

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục dự án thu hồi đất, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và các dự án điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến luật quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục dự án thu hồi đất, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và các dự án điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 8919/STNMT-QH ngày 27/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục dự án thu hồi đất, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và các dự án điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

1. Giao UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa thực hiện Nghị quyết này trên địa bàn, có báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết về UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh; thông báo cho các chủ đầu tư các dự án để phối hợp đẩy nhanh việc bồi thường giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ; cập



nhật và hoàn thiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của địa phương, trình UBND tỉnh phê duyệt theo đúng quy định.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa triển khai thực hiện các dự án theo quy định pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, THNC, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Võ Văn Chánh

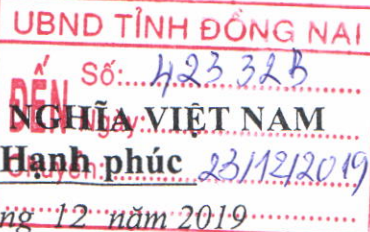


**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 196/2019/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 06 tháng 12 năm 2019



NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và các dự án điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 13475/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về Danh mục các dự án thu hồi đất, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và danh mục các dự án điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện năm 2020 tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục các dự án thu hồi đất, các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và các dự án điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện năm 2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Danh mục 100 dự án thu hồi đất với tổng diện tích là 426,10 ha.

(Phụ lục I kèm theo).

2. Danh mục 102 trường hợp được chuyển mục đích sử dụng đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, gồm: 59 dự án có đất trồng lúa được chuyển mục đích sử dụng với diện tích là 107,39 ha, 01 dự án có đất rừng phòng hộ được chuyển mục đích sử dụng với diện tích là 1,03 ha và 42 trường hợp được chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng lúa sang các mục đích khác của 11 địa phương với tổng diện tích 385,84 ha.

(Phụ lục II kèm theo).

3. Danh mục 29 dự án điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện với tổng diện tích 108,32 ha, trong đó diện tích thu hồi 93,62 ha.

(Phụ lục III kèm theo).

Điều 2. Tiếp tục triển khai thực hiện đối với các dự án thu hồi đất, các dự án chuyển mục đích sử dụng đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đang thực hiện các quy trình thu hồi đất như sau:

1. Danh mục các dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017; Nghị quyết số 113/2018/NQ-HĐND ngày 06/7/2018; Nghị quyết số 145/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018, Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 12/7/2019, Nghị quyết số 179/2019/NQ-HĐND ngày 29/10/2019.

2. Danh mục 202 dự án thu hồi đất với tổng diện tích là 3.839,64 ha và 40 dự án chuyển mục đích sử dụng đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng với tổng diện tích là 79,34 ha được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/7/2016, Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 và Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 07/07/2017.

(Phụ lục IV, V kèm theo).

Điều 3. Hủy bỏ các dự án đã quá 3 năm chưa triển khai thực hiện theo Khoản 3 Điều 49 Luật đất đai và các dự án thay đổi hình thức đầu tư đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại các Nghị quyết như sau:

1. Danh mục 487 dự án thu hồi đất với tổng diện tích là 1.769,88 ha và 88 dự án chuyển mục đích sử dụng đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng với tổng diện tích là 114,74 ha đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 144/NQ-HĐND ngày 11/12/2014, Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 16/7/2015, Nghị quyết số 183/NQ-HĐND ngày 11/12/2015, Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14/7/2016, Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 và Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 07/07/2017.

(Phụ lục VI, VII kèm theo).

2. Danh mục 5 dự án với diện tích 205,32 ha đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 91/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và

Nghị quyết số 145/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 do thay đổi hình thức đầu tư.

(Phụ lục VIII, IX kèm theo).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này, định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Quá trình triển khai thực hiện thu hồi đất, giao đất thực hiện dự án có liên quan đến quyền và lợi ích của người dân, đề nghị thực hiện đảm bảo đúng quy trình, dân chủ, công khai và có sự giám sát chặt chẽ, tránh tình trạng người dân khiếu nại, tố cáo; thực hiện công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận và tham gia hưởng ứng tích cực của nhân dân.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động nhân dân cùng tham gia thực hiện và giám sát Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân và kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa IX Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2019.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A + B);
- Văn phòng Chính phủ (A + B);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VB. QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND, TAND, CTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT, PTH.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Cường



PHỤ LỤC I

Danh mục các dự án thu hồi đất thực hiện năm 2020 tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên công trình	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương						
1	Bảo tồn, tôn tạo khu lăng mộ Trịnh Hoài Đức	Biên Hòa	Trung Dũng	0,61	0,03	Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/07/2017 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm (2016 -2020) của năm 2017 Nghị quyết số 79/NQ-HĐND ngày 24/07/2019 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020
2	Mở rộng trường THCS Hòa Hưng	Biên Hòa	An Hòa	0,24	0,03	Nghị quyết số 84/2019/NQ-HĐND ngày 27/8/2019 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020
3	Trường Mầm non Quang Vinh (vị trí hạt duy tu cũ)	Biên Hòa	Quang Vinh	0,82	0,06	Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 19/07/2017 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc giao điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm (2016 -2020) của năm 2017
4	Trường Mầm Non Hoa Cúc (điểm ấp 7)	Định Quán	Phú Tân	0,25	0,25	Văn bản số 2543/UBND-NL ngày 04/10/2017 của UBND huyện Định Quán về việc cấp tạm ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng 2 phòng học của phân hiệu trường Mầm non Hoa Cúc
5	Trường Mầm non Phú Vinh (Mở rộng)	Định Quán	Phú Vinh	0,20	0,20	Quyết định 2534/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND huyện Định Quán về việc phê duyệt dự án đầu tư

STT	Tên công trình	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
6	Trường Mầm non áp 2 xã Suối Trầu cũ (Thửa 265+299 tờ 10 xã Suối Trầu cũ)	Long Thành	Bầu Cạn	0,15	0,15	Quyết định số 3325/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tái lập hạ tầng kỹ thuật - hạ tầng xã hội ngoài ranh giới Cảng hàng không quốc tế Long Thành
7	Trường Tiểu học Phước Bình (Thửa 71, tờ 30 xã Phước Bình)	Long Thành	Phước Bình	1,57	1,57	Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 huyện Long Thành (đợt 2)
8	Trường THCS Bình Sơn	Long Thành	Bình Sơn	1,58	1,58	Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 huyện Long Thành (đợt 2)
9	Trụ sở UBND xã Phước Thái	Long Thành	Phước Thái	2,30	2,30	Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 huyện Long Thành (đợt 2)
10	Trụ sở UBND xã An Phước	Long Thành	An Phước	3,70	3,70	Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 huyện Long Thành (đợt 2) Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của UBND huyện Long Thành về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng Trụ sở UBND xã An Phước
11	Mở rộng trường Tiểu học Phú Đông	Nhơn Trách	Phú Đông	0,45	0,45	Quyết định số 4130/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND huyện Nhơn Trách về việc bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn Quyết định số 7243/QĐ-UBND ngày 26/10/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
12	Xây dựng trụ sở công an xã	Tân Phú	Phú Lâm	0,10	0,10	Quyết định số 3459/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của UBND huyện Tân Phú điều chỉnh, bổ sung giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
13	Trường TH, THCS Gia Kiệm	Thống Nhất	Gia Kiệm	1,50	1,50	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 28/6/2019 của HĐND huyện Thống Nhất về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Quyết định số 5481/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của UBND huyện về việc giao điều chỉnh kế hoạch đầu tư công lần 3

STT	Tên công trình	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
14	Trường Mầm non Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,10	1,10	Quyết định 3241/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND huyện về triển khai Nghị quyết số 102/2019/NQ-UBND ngày 8/8/2019 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn khác do huyện quản lý
15	Trường tiểu học Bầu Phụng (CS2)	Vĩnh Cửu	Phú Lý	0,96	0,96	Quyết định 1567/QĐ-UBND ngày 26/3/2018 của UBND huyện về Chủ trương đầu tư dự án trường Tiểu học Bầu Phụng, xã Phú Lý. Quyết định 6401/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án trường Tiểu học Bầu Phụng, xã Phú Lý Quyết định 3241/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND huyện về việc triển khai Nghị quyết số 102/2019/NQ-HĐND ngày 8/8/2019 của HĐND huyện Vĩnh Cửu về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn khác do huyện quản lý
16	Trường Tiểu học Tân Phú xã Thanh Phú (địa điểm mới ấp 1)	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	2,20	2,20	Quyết định 3241/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về triển khai Nghị quyết số 102/2019/NQ-UBND ngày 08/8/2019 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn khác do huyện quản lý
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm: giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải						
17	Đường nối từ cầu Bửu Hòa và Quốc lộ 1K	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	11,28	2,28	Quyết định số 1517/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc duyệt báo cáo nghiên cứu đầu tư xây dựng tuyến đường theo hình thức đối tác công tư, hợp đồng xây dựng - chuyển giao
18	Đường vào trường Tiểu học Long Bình 1	Biên Hòa	Long Bình	0,24	0,08	Nghị quyết số 68/NQ-HĐND ngày 18/12/2018 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020

STT	Tên công trình	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
19	Đường Đỗ Văn Thi (mở rộng đoạn 1)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	2,47	0,01	Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 20/3/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư dự án Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2019
20	Đường nối từ đường Nguyễn Ái Quốc tới đường nối Phan Đình Phùng - Cây Chàm (đường vào Viện Kiểm sát)	Biên Hòa	Quang Vinh	0,36	0,01	Quyết định số 1906/QĐ-UBND ngày 10/7/2009 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ tái định cư và giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 03/5/2019 của UBND thành phố Biên Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019
21	Đường vào trường THCS Lê Quang Định (HT)	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,41	0,01	Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2019 Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 23/04/2008 và số 1338/QĐ-UBND ngày 23/04/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất để bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án Quyết định số 1530/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật (điều chỉnh)
22	Cải tạo nút giao thông đường Trương Định - Trương Quyền	Biên Hòa	Tân Mai	0,05	0,04	Văn bản số 9570/UBND-ĐT ngày 21/9/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai chấp thuận cho UBND thành phố Biên Hòa thực hiện điều chỉnh ranh giới diện tích mở rộng đường Trương Định thu hồi thêm 230,8m ² đất của hộ bà Phạm Thị Lan sử dụng thuộc thửa đất số 8 tờ bản đồ số 1 phường Tân Mai Quyết định 83/QĐ-UBND ngày 08/01/2018 của UBND thành phố về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2019

STT	Tên công trình	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
23	Dự án kết nối từ đường Diểu Xiển vào khu tập thể Dệt Thống Nhất	Biên Hòa	Tân Biên	0,12	0,02	Văn bản số 220/UBND-CNN ngày 09/01/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận việc đầu tư đoạn đường giao thông kết nối từ đường Diểu Xiển vào khu nhà ở tập thể Dệt Thống Nhất. Đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019, bổ sung diện tích thu hồi do sai số đo đạc
24	Xây dựng cầu vòm cải Sút trên hương lộ 2 nối dài	Biên Hòa	Long Hưng, Tam Phước	3,50	3,50	Tờ trình số 13567/TT-UBND ngày 21/11/2019 của UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019; nội dung giao chỉ tiêu Kế hoạch đầu tư công năm 2020
25	Nâng cấp đường Hoàn Quân - Xuân Mỹ	Cẩm Mỹ	Long Giao, Xuân Mỹ	0,80	0,80	Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 13/09/2019 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 26/09/2019 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Nâng cấp đường Đường Hoàn Quân - Xuân Mỹ
26	Đường ven sông Đồng Nai	Định Quán	Phú Tân, Phú Vinh	3,00	3,00	Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án
27	Đường cầu Suối Rắc	Định Quán	Túc Trưng	3,00	3,00	Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án
28	Đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài (giai đoạn 2) từ nút giao đường Quang Trung đến đường Nguyễn Trãi	Long Khánh	Xuân Hòa	0,87	0,54	Quyết định số 2525/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc duyệt chủ trương đầu tư dự án.
29	Đường Nguyễn Văn Cừ	Long Thành	Thị trấn Long Thành	2,55	1,55	Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 huyện Long Thành (đợt 2)

STT	Tên công trình	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
30	Đường Lê Duẩn	Long Thành	Thị trấn Long Thành, An Phước, Long Đức	24,00	4,00	Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 huyện Long Thành (đợt 2)
31	Đường 25C (đoạn từ QL 51 đến HL 19)	Long Thành	Long Phước	21,00	21,00	Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án
32	Bến xe Long Thành	Long Thành	Long An	4,85	4,85	Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
33	Tuyến thoát nước ngoài hàng rào KCN Lộc An – Bình Sơn	Long Thành	Long An	1,00	1,00	Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của UBND huyện Long Thành về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 huyện Long Thành (đợt 2); bổ sung diện tích
34	Đường 25C đoạn từ QL 51 đến HL19	Nhơn Trạch	Long Thọ	10,00	10,00	Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án
35	Đường nối khu đô thị mới Phú Hữu - Đại Phước đến đường tỉnh ĐT 769 huyện Nhơn Trạch	Nhơn Trạch	Đại Phước	0,51	0,51	Quyết định số 2727/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án. Quyết định số 6529/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2017 về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật thi công công trình đường nối khu đô thị mới Phú Hữu - Đại Phước đến đường tỉnh ĐT 769 huyện Nhơn Trạch. Quyết định số 8972/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019
36	Cảng thủy nội địa Vĩnh Tân	Nhơn Trạch	Long Tân	7,60	3,55	Quyết định số 2835/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của UBND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án

STT	Tên công trình	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
37	Bến thủy nội địa Phước Khánh	Nhơn Trạch	Phước Khánh	14,65	14,65	Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng bến thủy nội địa của HTX đóng tàu Xà lan
38	Đường Nguyễn Du	Tân Phú	Thị trấn Tân Phú	2,73	2,73	Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án
39	Đường từ Quốc lộ 20 vào trường THCS Gia Tân 1	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,80	1,80	Quyết định số 1871/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 của UBND huyện Thống Nhất về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Quyết định số 5481/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của UBND huyện về việc giao điều chỉnh kế hoạch đầu tư công lần 3
40	Đường liên ấp Tân Hòa - Tân Hợp	Trảng Bom	Bàu Hàm	1,64	0,15	Quyết định số 3269/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của UBND huyện Trảng Bom về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công đợt 1 năm 2019
41	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 30/4 xã Bàu Hàm	Trảng Bom	Bàu Hàm	8,00	3,48	Quyết định số 3269/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của UBND huyện Trảng Bom về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công đợt 1 năm 2019
42	Đường và cầu tại ấp Tân Bắc	Trảng Bom	Bình Minh	1,18	0,68	Quyết định số 1849/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND huyện về chủ trương đầu tư dự án xây dựng đường và cầu tại ấp Tân Bắc, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 của HĐND huyện Trảng Bom về việc kế hoạch đầu tư công năm 2018
43	Đường Nguyễn Hữu Cánh (Đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ)	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	2,00	2,00	Quyết định số 3269/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của UBND huyện Trảng Bom về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công đợt 1 năm 2019
44	Đường Dương Bạch Mai (đoạn từ đường 29/4 đến đường 3/2)	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	0,15	0,15	Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 28/5/2019 của UBND huyện về việc quyết định chủ trương đầu tư. Quyết định số 3269/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của UBND huyện Trảng Bom v/v điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công đợt 1 năm 2019

STT	Tên công trình	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
45	Đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ gần điểm giao với đường 29/4 đến giáp đường sắt)	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	1,03	0,32	Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 8/7/2019 của UBND huyện Trảng Bom về chủ trương đầu tư, Quyết định số 3269/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của UBND huyện Trảng Bom về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công đợt 1 năm 2019
46	Hương lộ 9 (Thành Đức - Tân Bình)	Vĩnh Cửu	Tân Bình	4,50	4,50	Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án
47	Hương lộ 7 (Tân Bình - Bình Lợi)	Vĩnh Cửu	Tân Bình, Bình Lợi	4,20	4,20	Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án
48	Cải tạo nâng cấp đường ĐT768 đoạn từ cầu Thủ Biên đến giao với ĐT767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Vĩnh Cửu	Tân An, Trại An, Thị trấn Vĩnh An	50,00	12,00	Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án Quyết định số 2177/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt tiêu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án.
49	Đường ấp 3 xã Tân An	Vĩnh Cửu	Tân An	4,50	2,10	Quyết định 3241/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về triển khai Nghị quyết số 102/2019/NQ-UBND ngày 08/8/2019 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn khác do huyện quản lý

STT	Tên công trình	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
50	Đường và cầu số 3, số 4 xã Hiếu Liêm	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	3,40	1,74	Quyết định 3241/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về triển khai Nghị quyết số 102/2019/NQ-UBND ngày 08/8/2019 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn khác do huyện quản lý
51	Dự án đầu nối đường Quang Trung với đường Lý Thái Tổ	Vĩnh Cửu	Thị trấn Vĩnh An	0,80	0,80	Quyết định 3241/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về triển khai Nghị quyết số 102/2019/NQ-UBND ngày 08/8/2019 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn khác do huyện quản lý
52	Đường nối từ Hương lộ 15 đến Khu dân cư Miền Đông (Đường N3 dưới tuyến đường điện cao thế)	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	4,30	4,30	Quyết định 3241/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về triển khai Nghị quyết số 102/2019/NQ-UBND ngày 08/8/2019 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn khác do huyện quản lý
53	Đường giao thông trong khu trung tâm hành chính xã Mã Đà	Vĩnh Cửu	Mã Đà	2,36	2,36	Quyết định 3241/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về triển khai Nghị quyết số 102/2019/NQ-UBND ngày 08/8/2019 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn khác do huyện quản lý
54	Đường Kỳ Lân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	4,00	3,40	Quyết định 3241/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về triển khai Nghị quyết số 102/2019/NQ-UBND ngày 08/8/2019 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn khác do huyện quản lý
55	Trung tâm văn hóa huyện (Đường N2, N3)	Vĩnh Cửu	Thị trấn Vĩnh An	2,39	2,39	Quyết định 3241/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về triển khai Nghị quyết số 102/2019/NQ-UBND ngày 08/8/2019 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn khác do huyện quản lý

STT	Tên công trình	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
56	Nâng cấp vỉa hè đường Quang Trung	Vĩnh Cửu	Thị trấn Vĩnh An	0,30	0,30	Quyết định 3241/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về triển khai Nghị quyết số 102/2019/NQ-UBND ngày 08/8/2019 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn khác do huyện quản lý
57	Via hè tuyến đường ĐT.768 nối dài (Đoạn từ nút giao thông ĐT 768 đến nút ĐT 762)	Vĩnh Cửu	Thị trấn Vĩnh An	1,68	1,68	Quyết định 3241/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về triển khai Nghị quyết số 102/2019/NQ-UBND ngày 08/8/2019 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn khác do huyện quản lý
58	Nạo vét Rạch Đông	Vĩnh Cửu	Tân An	60,50	33,23	Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án
59	Đường Bến Xúc (nối huyện Vĩnh Cửu - huyện Trảng Bom)	Vĩnh Cửu	Tân An	1,20	1,20	Quyết định số 3240/QĐ-UBND ngày 25/8/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc điều chỉnh bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2019
60	Nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú	Xuân Lộc	Thị trấn Gia Ray	6,20	6,20	Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
61	Nút giao thông đầu nối đường Xuân Hiệp - Lang Minh với QL1 (thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình đường Xuân Hiệp-Lang Minh)	Xuân Lộc	Xuân Hiệp	0,20	0,20	Quyết định số 2827/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện về việc duyệt dự án đầu tư xây dựng Công trình đường Xuân Hiệp-Lang Minh. Quyết định số 2572/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của UBND huyện Xuân Lộc về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2019
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở tôn giáo; khu văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phục vụ cộng đồng; chợ; nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng				25,37	21,82	

STT	Tên công trình	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
62	Khu tái định cư Bình Đa	Biên Hòa	An Bình, Bình Đa, Tam Hiệp	2,60	0,30	Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020. Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 và Quyết định số 5839/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu vốn đầu tư công năm 2019 Đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019, nay trình thu hồi bổ sung diện tích
63	Khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai	Biên Hòa	Thống Nhất, Tân Mai	9,40	9,40	Nghị quyết số 84/2019/NQ-HĐND ngày 27/08/2019 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 trên địa bàn thành phố. Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 27/08/2019 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020
64	Khu tái định cư phường Quang Vinh	Biên Hòa	Quang Vinh	0,55	0,03	Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 và Quyết định số 5839/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu vốn đầu tư công năm 2019 Văn bản số 3156/UBND-XDCB ngày 21/3/2019 của UBND thành phố Biên Hòa về việc điều chỉnh diện tích thu hồi bổ sung
65	Khu tái định cư (khu dân cư phía Nam phường Thống Nhất)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,76	0,03	Quyết định số 3522/QĐ-UBND ngày 02/08/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2019
66	Khu dân cư phục vụ tái định cư phường Bình Đa 2	Biên Hòa	Bình Đa	1,50	1,50	Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 02/08/2019 của UBND thành phố Biên Hòa về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2019 Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 23/04/2019 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020

STT	Tên công trình	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
67	Nhà văn hóa ấp 2 xã Suối Trầu cũ (Thửa 284 tờ 10, xã Suối Trầu cũ)	Long Thành	Bầu Cạn	0,05	0,05	Quyết định số 3325/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 của UBND tỉnh về việc duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tái lập hạ tầng kỹ thuật - hạ tầng xã hội ngoại ranh giới Cảng hàng không quốc tế Long Thành
68	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Gia Yên	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,07	0,07	Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 28/6/2019 của HĐND huyện Thống Nhất về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Quyết định số 5481/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của UBND huyện về việc giao điều chỉnh kế hoạch đầu tư công lần 3
69	Cải tạo, nâng cấp Chợ Bầu Hàm	Trảng Bom	Bầu Hàm	0,54	0,54	Quyết định số 3269/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của UBND huyện Trảng Bom về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công đợt 1 năm 2019
70	Hạ tầng Khu trung tâm xã Thạnh Phú (bao gồm đường N4, D4, D5 và hạ tầng công viên cây xanh, khu văn hóa thể thao)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	9,90	9,90	Quyết định 3241/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về triển khai Nghị quyết số 102/2019/NQ-UBND ngày 08/8/2019 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn khác do huyện quản lý
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng						
71	Khu dân cư số 88 (giai đoạn 2 - Công ty CP XD Dân dụng CN số 1 ĐN)	Biên Hòa	Trảng Dài	1,05	0,50	Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 25/04/2014 của UBND thành phố Biên Hòa về việc thu hồi đất bà Nguyễn Thị Thìn Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 26/01/2016 của UBND thành phố về việc phê duyệt phương án bồi thường dự án đầu tư giai đoạn 2
72	Khu dân cư Bửu Hòa Phát	Biên Hòa	Bửu Hòa	5,68	5,68	Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
73	Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm ứng dụng Công nghệ sinh học Đồng Nai	Cẩm Mỹ	Xuân Đường	4,25	4,25	Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án

STT	Tên công trình	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
74	Khu dân cư Nguyễn Xuân ONYX	Long Thành	Thị trấn Long Thành	2,10	2,10	Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 16/9/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
75	Khu dân cư Long Thành (Công ty CP TMDV Long Điền)	Long Thành	Long Phước	1,90	1,90	Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
76	Khu dân cư Long Thành Phát (Công ty TNHH Phương Minh Triết)	Long Thành	Phước Bình	4,20	4,20	Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
77	Khu dân cư Long Thành (Công ty CP BDS Đại Thành Công)	Long Thành	An Phước	1,77	1,77	Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 05/10/2018 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
78	Khu dân cư Thành Công (công ty CP BDS đất nền Thành Công)	Long Thành	Long Đức	2,75	2,75	Quyết định số 2318/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
79	Khu dân cư Phước Bình (công ty CP BDS đất nền May Mẫn)	Long Thành	Phước Bình	1,53	1,53	Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 25/7/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
80	Khu dân cư công nghiệp Phước Bình (công ty CP BDS đất nền Hạnh Phúc)	Long Thành	Phước Bình	6,53	6,53	Quyết định số 2285/QĐ-UBND ngày 25/7/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
81	Khu dân cư (Công cổ phần đầu tư Tây Tây Nam)	Long Thành	Long Đức	0,88	0,88	Quyết định số 2836/QĐ-UBND ngày 10/9/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
82	Khu dân cư The Queen	Long Thành	Long Đức	1,21	1,21	Quyết định số 3347/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
83	Khu dân cư Thiên Trường	Long Thành	Long Phước	1,10	1,10	Quyết định số 3340/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
84	Khu dân cư Phước Lộc Phát	Long Thành	Phước Bình	4,00	4,00	Quyết định số 3362/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
85	Khu dân cư Phước Thái (T&T)	Long Thành	Phước Thái	0,57	0,57	Quyết định số 3215/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
86	Khu dân cư CIC LAND	Long Thành	Phước Thái	1,65	1,65	Quyết định số 3214/QĐ-UBND ngày 11/10/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
87	Khu dân cư CIC ONE	Long Thành	Long Đức	5,00	5,00	Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 24/4/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
88	Khu dân cư theo quy hoạch	Long Thành	Long Phước	4,91	4,91	Văn bản số 13433/UBND-KTN ngày 20/11/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận chủ trương đầu tư

STT	Tên công trình	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích kế hoạch	Diện tích thu hồi	Cơ sở pháp lý
89	Khu dân cư đô thị	Nhơn Trạch	Long Tân	28,50	28,50	Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
90	Khu dân cư thương mại đô thị mới	Nhơn Trạch	Long Tân, Phú Hội	22,37	22,37	Quyết định số 2882/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
91	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Long Tân	33,92	11,92	Quyết định số 900/UBND-CNN ngày 04/2/2012 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư.
92	Khu dân cư Phú Đông Riverside	Nhơn Trạch	Phú Đông	2,35	2,35	Quyết định số 2363/QĐ-UBND ngày 24/4/2018 của UBND huyện Nhơn Trạch về việc phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, đã bồi thường xong 20 ha
93	Khu dân cư đô thị Lành Mạnh	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	29,60	29,60	Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đối với công ty TNHH BDS Long Đức
94	Khu dân cư Vĩnh Thanh (Công ty cổ phần đầu tư Donal)	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	2,75	2,75	Quyết định số 2881/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đối với công ty TNHH BDS Lành Mạnh
95	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Long Thọ	3,85	3,85	Quyết định số 2591/QĐ-UBND ngày 20/8/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
96	Khu dân cư tại xã Phước Thiện	Nhơn Trạch	Phước Thiện	13,00	13,00	Quyết định số 3182/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
97	Xây dựng khu dân cư và thương mại	Trảng Bom	Tây Hòa	7,19	7,19	Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
98	Khu dân cư Lâm Viên sinh thái	Trảng Bom	Giang Điền	19,10	19,10	Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 04/05/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
99	Khu dân cư (công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng Hồ Vũ)	Vĩnh Cửu	Tân An	23,48	23,48	Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 9/10/2019 của UBND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư
100	Khu dân cư Chiến Thắng	Xuân Lộc	Xuân Định	7,15	7,15	Quyết định số 2417/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư



PHỤ LỤC II

Danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2020 tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích dự án (ha)	Trong đó:		Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất trồng lúa (ha)	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ (ha)	
1	Các dự án có sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng						
1	Xây dựng cầu vòm cái Sút trên hương lộ 2 nối dài	Biên Hòa	Long Hưng, Tam Phước	3,50	0,25		Tờ trình số 13567/TT-UBND ngày 21/11/2019 của UBND tỉnh về việc báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019; nội dung giao chỉ tiêu Kế hoạch đầu tư công năm 2020
2	Hương lộ 2	Biên Hòa	An Hòa	11,70	0,50		Đã có trong kế hoạch sử dụng đất 2019, nay bổ sung diện tích đất lúa. Văn bản số 1705 ngày 10/3/2015 của UBND tỉnh về việc chấp thuận điều chỉnh hướng trục sinh thái của TP. Biên Hòa; Thông báo thu hồi đất hộ gia đình cá nhân; Văn bản số 5172/UBND-ĐT ngày 1/6/2017 của UBND tỉnh về việc khẩn trương triển khai dự án Tờ trình số 13567/TT-UBND ngày 21/11/2019 của UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019; nội dung giao chỉ tiêu Kế hoạch đầu tư công năm 2020
3	Hương lộ 21	Biên Hòa	Tam Phước	1,10	0,00		Thông báo thu hồi đất số 2046/TB-UBND ngày 14/3/2014 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án. Đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019, bổ sung diện tích đất lúa

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích dự án (ha)	Trong đó:		Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa (ha)	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ (ha)	
4	Công viên cây xanh và kè dọc sông Đồng Nai	Biên Hòa	Bửu Long	1,78	0,17		Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 29/10/2019 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương một số dự án nhóm B trên địa bàn tỉnh
5	Khu nhà ở chung cư cao tầng đường QL 1K	Biên Hòa	Hóa An	0,52	0,05		Quyết định số 1173/QĐ-TTg ngày 22/11/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao đất cho công ty phát triển đô thị và KCN thuộc Bộ Xây dựng. Quyết định số 921/QĐ-BXD ngày 7/7/2000 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt dự án đầu tư Quyết định số 2764/QĐ.CT.UBT ngày 28/7/1999 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận chủ trương và giới thiệu địa điểm để lập thủ tục đầu tư xây dựng
6	Khu dân cư An Hòa 2	Biên Hòa	An Bình	1,37	0,63		Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 18/01/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng khu dân cư An Hòa 2
7	Khu dân cư - TMDV số 22 (Công ty Phúc Hiếu)	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	19,06	2,12		Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 10/4/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư.
8	Khu dân cư Bửu Hòa Phát	Biên Hòa	Bửu Hòa	5,68	1,36		Quyết định số 3341/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
9	Đường ven sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Hóa an đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	Biên Hòa	Bửu Long	17,64	0,22		Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 29/10/2019 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương một số dự án nhóm B trên địa bàn tỉnh

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích dự án (ha)	Trong đó:		Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa (ha)	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ (ha)	
10	Đường ven sông Cải	Biên Hòa	Các phường	19,37	0,42		Đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019, nay bổ sung thêm diện tích đất lúa Văn bản số 6440/UBND-CNN ngày 12/8/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc đầu tư dự án đường ven sông cải thành phố Biên Hòa.
11	Khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai	Biên Hòa	Thống Nhất, Tân Mai	8,80	0,17		Quyết định số 5838/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao chỉ tiêu đầu tư công năm 2019
12	Khu tái định cư phường Thống Nhất và phường Tân Mai 2	Biên Hòa	Thống Nhất, Tân Mai	9,40	0,01		Nghị quyết số 85/NQ-HĐND ngày 27/08/2019 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B, trọng điểm nhóm C trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 Nghị quyết số 84/2019/NQ-HĐND ngày 27/08/2019 của HĐND thành phố Biên Hòa về việc sửa đổi, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020
13	KCN Hồ Nai giai đoạn II	Biên Hòa	Long Bình, Phước Tân	101,53	0,69		Quyết định thu hồi đất số 2250/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 (0,4 ha) của các hộ gia đình cá nhân tại phường Long Bình Quyết định số 3946/QĐ-UBND ngày 12/11/2007 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất
14	Khai thác chế biến Đá xây dựng Mỏ đá Tân Cang 9	Biên Hòa	Phước Tân	15,10	1,17		Giấy phép số 1325/GP-UBND ngày 20/4/2017 của UBND tỉnh về Giấy phép khai thác khoáng sản (nhận chuyên nhượng) Đã có trong kế hoạch 2019, tuy nhiên chưa có đăng ký diện tích đất lúa
15	Mỏ đá xây dựng Tân Cang 2 mở rộng - Phước Tân (BH.D2-3)	Biên Hòa	Phước Tân	5,65	0,93		Đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019, tuy nhiên chưa đăng ký diện tích đất lúa

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích dự án (ha)	Trong đó:		Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa (ha)	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ (ha)	
16	Mô đá xây dựng Tân Cang 5 -Phước Tân	Biên Hòa	Phước Tân	13,59	0,90		Thông báo thu hồi đất số 4869/TB-UBND ngày 18/7/2011 của UBND tỉnh
17	Mô đá xây dựng Tân Cang 8 -Phước Tân (BH.Đ1-3)	Biên Hòa	Phước Tân - Tam Phước	35,98	7,70		Đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019, tuy nhiên chưa đăng ký diện tích đất lúa
18	Cửa hàng xăng dầu Hoàng Bảo Long	Biên Hòa	Hóa An	0,06	0,06		Quyết định số 806/QĐ-UBND ngày 19/3/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
19	Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,70	0,70		Đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019, nay bổ sung thêm diện tích đất lúa
20	Cơ sở Hóa An (nay là Giáo xứ Hóa An)	Biên Hòa	Hóa An	0,40	0,40		Đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019, nay bổ sung thêm diện tích đất lúa
21	Trường Trung cấp Phật học	Biên Hòa	Phước Tân	0,73	0,73		Đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019, nay bổ sung thêm diện tích đất lúa
22	Nâng cấp đường Cọ Dầu 2 - Suối Lức	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	2,75	0,60		Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 13/09/2019 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 - 2020
23	Cơ sở giết mổ tập trung	Cẩm Mỹ	Lâm Sơn	0,97	0,34		Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Nhà máy giết mổ gia thủy cầm - Công ty TNHH chăn nuôi Lan Chi
24	Công ty TNHH Lê Hòe	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	2,69	0,35		Đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019, nay bổ sung thêm diện tích đất lúa
25	Đường Cao tốc Phan Thiết – Dầu Giây	Cẩm Mỹ	Các xã	152,88	1,91		Nghị quyết số 164/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc thống nhất điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện dự án.
26	Đập dâng Cắn Đu 2	Định Quán	Phú Túc	0,28	0,12		Quyết định số 3000/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Định Quán về việc thông báo định mức chi ngân sách nhà nước năm 2019

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích dự án (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa (ha)	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ (ha)		
27	Bến xe Long Thành	Long Thành	Long An	4,85	4,85			Quyết định số 1627/QĐ-UBND ngày 30/05/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
28	Đường 25C (đoạn từ QL 51 đến HL 19)	Long Thành	Long Phước	21,00	8,50			Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai Sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND thành phố Biên Hòa về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án
29	Cụm công nghiệp Long Phước 1	Long Thành	Long Phước	75,00		1,03		Đã có trong kế hoạch 2019, nay bổ sung thêm diện tích đất rừng phòng hộ.
30	Trạm kinh doanh xăng dầu Ngọc Song Anh	Long Thành	Long An	0,16	0,14			Quyết định số 2205/QĐ-UBND ngày 16/07/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
31	Điểm du lịch sinh thái và vui chơi giải trí của công ty TNHH Hoàng Gia Bảo	Long Thành	Long An	14,75	2,42			Quyết định số 2744/UBND-ĐT ngày 27/3/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư dự án điểm du lịch sinh thái và vui chơi giải trí của công ty TNHH TMDV Hoàng Gia Bảo.
32	Khu dân cư theo quy hoạch	Long Thành	Long Phước	4,91	1,01			Văn bản số 13433/UBND-KTN ngày 20/11/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận chủ trương cho công ty CP Địa ốc Hải Sơn đầu tư khu dân cư

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích dự án (ha)	Trong đó:		Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa (ha)	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ (ha)	
33	Đường 25C đoạn từ QL 51 đến HL 19	Nhơn Trạch	Long Thọ	10,00	6,16		Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai Sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án
34	Bến thủy nội địa Phước Khánh	Nhơn Trạch	Phước Khánh	14,65	5,49		Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng bến thủy nội địa của HTX đóng tàu Xà Lán
35	Khu dân cư tại xã Phước Thiện	Nhơn Trạch	Phước Thiện	13,00	6,04		Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 04/9/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án khu dân cư cho công ty CPĐT Địa ốc Khang An của UBND tỉnh Đồng Nai
36	Khu dân cư Phú Đông Riverside	Nhơn Trạch	Phú Đông	2,35	0,77		Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đối với công ty TNHH BĐS Long Đức
37	Khu dân cư theo quy hoạch	Nhơn Trạch	Long Thọ	3,85	0,55		Quyết định số 3182/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đối với Công ty CP Thiết kế Xây dựng và Đầu tư BĐS Danh Tiếng
38	Khu dân cư đô thị TMDV An Hòa	Nhơn Trạch	Phú Hội	34,04	2,30		Quyết định số 1499/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng dự án.

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích dự án (ha)	Trong đó:			Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa (ha)	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ (ha)		
39	Dường đề bao Đồng Hiệp	Tân Phú	Phú Diên, Phú Thanh	3,60	0,55			Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai Sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai Duyệt chủ trương đầu tư Dự án Đường đề bao Đồng Hiệp huyện Tân Phú
40	Dường Nguyễn Chí Thanh	Tân Phú	Thị trấn Tân Phú	2,20	0,04			Quyết định số 3459/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của UBND huyện Tân Phú Điều chỉnh, bổ sung giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
41	Trạm bơm Đắc Lua	Tân Phú	Đắc Lua	27,50	6,92			Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai Sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án
42	Trại nuôi vịt giống quy mô 25.000 con	Tân Phú	Núi Tượng	4,39	4,39			Quyết định số 2110/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích dự án (ha)	Trong đó:		Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa (ha)	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ (ha)	
43	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Gia Yên	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,07	0,07		Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 28/6/2019 của HĐND huyện Thống Nhất về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Quyết định số 5481/QĐ-UBND ngày 29/10/2019 của UBND huyện về việc giao điều chỉnh kế hoạch đầu tư công lần 3 tại mục II, Stt 21 (Biểu tổng hợp điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2019 lần 3)
44	Trường tiểu học, trung học cơ sở Bắc Sơn	Trảng Bom	Bắc Sơn	1,60	0,16		Đã có trong kế hoạch sử dụng đất 2019, đăng ký để chuyển mục đích từ đất trồng lúa
45	Đường và cầu tại ấp Tân Bắc	Trảng Bom	Bình Minh	1,18	0,25		Quyết định số 1849/QĐ-UBND ngày 16/6/2016 của UBND huyện về việc chủ trương đầu tư dự án xây dựng đường và cầu tại ấp Tân Bắc, xã Bình Minh, huyện Trảng Bom
46	Điểm giết mổ tập trung	Trảng Bom	Bình Minh	2,48	1,72		Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 15/12/2017 của HĐND huyện Trảng Bom về việc kế hoạch đầu tư công năm 2018
47	Trường bán BB	Vĩnh Cửu	Tân An	21,30	1,63		Đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019, đăng ký để chuyển mục đích từ đất trồng lúa
48	Hương lộ 9 (Thành Đức - Tân Bình)	Vĩnh Cửu	Tân Bình	4,50	0,50		Quyết định số 525/QĐ-BTL ngày 8/3/2019 của Bộ Tư lệnh Quân khu về việc phê duyệt kế hoạch chi xây dựng cơ bản
							Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai Sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích dự án (ha)	Trong đó:		Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa (ha)	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ (ha)	
49	Hương lộ 7 (Tân Bình - Bình Lợi)	Vĩnh Cửu	Tân Bình, Bình Lợi	4,20	0,74		Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai Sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án
50	Cải tạo nâng cấp đường DT768 đoạn từ cầu Thủ Biên đến giao với DT767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	Vĩnh Cửu	Tân An, Trĩ An, Thị trấn Vĩnh An	50,00	0,96		Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai về Sửa đổi khoản 1 điều 1 nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn năm giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án Quyết định số 2177/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng cầu dự án.
51	Đường ấp 3 xã Tân An	Vĩnh Cửu	Tân An	4,50	1,48		Quyết định 3241/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về triển khai Nghị quyết số 102/2019/NQ-UBND ngày 08/8/2019 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn khác do huyện quản lý

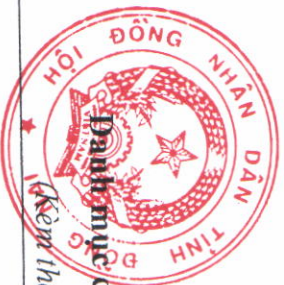
STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích dự án (ha)	Trong đó:		Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ (ha)	Diện tích sử dụng đất lúa (ha)	
52	Đường nối từ Hương lộ 15 đến Khu dân cư Miền Đông (Đường N3 dưới tuyến đường điện cao thế)	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	4,30		2,30	Quyết định 3241/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về triển khai Nghị quyết số 102/2019/NQ-UBND ngày 08/8/2019 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn khác do huyện quản lý
53	Hạ tầng Khu trung tâm xã Thanh Phú (bao gồm đường N4, D4, D5 và hạ tầng công viên cây xanh, khu văn hóa thể thao)	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	9,90		8,90	Quyết định 3241/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về triển khai Nghị quyết số 102/2019/NQ-UBND ngày 08/8/2019 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn khác do huyện quản lý
54	Đường Kỳ lân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	4,00		0,74	Quyết định 3241/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND huyện Vĩnh Cửu về triển khai Nghị quyết số 102/2019/NQ-UBND ngày 08/8/2019 của HĐND huyện về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm giai đoạn 2016-2020 từ nguồn vốn ngân sách huyện và các nguồn khác do huyện quản lý
55	Nạo vét Rạch Đông	Vĩnh Cửu	Tân An	60,50		9,40	Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai về Sửa đổi khoản 1 điều 1 nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 8/12/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn năm giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích dự án (ha)	Trong đó:		Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa (ha)	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ (ha)	
56	Nâng cấp, mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú	Xuân Lộc	Thị trấn Gia Ray	6,20	0,00		Quyết định số 2351/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của chủ UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
57	VINA Gà	Xuân Lộc	Suối Cao	3,70	1,67		Quyết định số 1985/QĐ-UBND ngày 26/6/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
58	Trang trại chăn nuôi Vịt	Xuân Lộc	Xuân Trường	4,90	3,20		Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 14/6/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
59	Khu dân cư Chiến Thắng	Xuân Lộc	Xuân Định	7,15	0,16		Quyết định số 1169/QĐ-UBND ngày 22/4/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư
60	Trạm biến áp 110kV Phước Tân và nhánh rẽ đầu nối	Biên Hòa	Phước Tân	0,87	0,87		Công văn số 12166/UBND-KTN ngày 22/10/2019 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận vị trí trạm biến áp 110kV phước Tân và đường dây đầu nối
11	Chuyển mục đích của hộ gia đình, cá nhân						
1	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Tân Phú	Các xã, thị trấn		1,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
2	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Tân Phú	Các xã, thị trấn		10,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
3	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Tân Phú	Các xã, thị trấn		7,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
4	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Tân Phú	Các xã, thị trấn		9,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
5	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Tân Phú	Các xã, thị trấn		1,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích dự án (ha)	Trong đó:		Căn cứ pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa (ha)	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ (ha)	
6	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Long Thành	Các xã, thị trấn		5,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
7	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Long Thành	Các xã, thị trấn		35,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
8	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Long Thành	Các xã, thị trấn		1,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
9	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Nhơn Trạch	Các xã, thị trấn		9,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
10	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Biên Hòa	Các phường		5,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
11	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Nhơn Trạch	Các xã, thị trấn		5,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
12	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Biên Hòa	Các phường		8,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
13	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Nhơn Trạch	Các xã		13,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
14	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Vĩnh Cửu	Các xã, thị trấn		9,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
15	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Định Quán	Các xã, thị trấn		3,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
16	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Trảng Bom	Các xã, thị trấn		7,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
17	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Trảng Bom	Các xã, thị trấn		11,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
18	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Trảng Bom	Các xã, thị trấn		5,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
19	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Trảng Bom	Các xã, thị trấn		10,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên dự án	Vị trí		Trong đó:			Cơ sở pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích dự án (ha)	Diện tích sử dụng đất lúa (ha)	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ (ha)	
20	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Trảng Bom	Các xã, thị trấn		1,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
21	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Thống Nhất	Các xã, thị trấn		1,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
22	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Thống Nhất	Các xã, thị trấn		3,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
23	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Thống Nhất	Các xã, thị trấn		4,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
24	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Thống Nhất	Các xã, thị trấn		10,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
25	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Vĩnh Cửu	Các xã, thị trấn		30,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
26	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Biên Hòa	Các phường		15,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
27	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Định Quán	Các xã, thị trấn		15,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
28	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Vĩnh Cửu	Các xã, thị trấn		10,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
29	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Vĩnh Cửu	Các xã, thị trấn		3,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
30	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Định Quán	Các xã, thị trấn		15,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
31	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Định Quán	Các xã, thị trấn		9,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
32	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Định Quán	Các xã, thị trấn		5,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
33	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất rừng	Định Quán	Các xã, thị trấn		3,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương

STT	Tên dự án	Vị trí		Diện tích dự án (ha)	Trong đó:		Cơ sở pháp lý
		Huyện	xã, phường, thị trấn		Diện tích sử dụng đất lúa (ha)	Diện tích sử dụng đất rừng phòng hộ (ha)	
34	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Cẩm Mỹ	Các xã		2,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
35	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác	Cẩm Mỹ	Các xã		20,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
36	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Cẩm Mỹ	Các xã		40,84		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
37	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất nuôi trồng thủy sản	Cẩm Mỹ	Các xã		2,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
38	Chuyển từ đất lúa sang đất phi nông nghiệp không phải đất ở	Cẩm Mỹ	Các xã		1,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
39	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Long Khánh	Các xã, phường		5,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
40	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Long Khánh	Các xã, phường		20,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
41	Chuyển từ đất trồng lúa chuyển sang đất ở	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		2,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương
42	Chuyển từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm	Xuân Lộc	Các xã, thị trấn		15,00		Theo nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân của địa phương



PHỤ LỤC III

Phanh mục các dự án điều chỉnh quy mô, địa điểm thực hiện dự án năm 2020 tỉnh Đồng Nai

(Kèm theo Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên công trình	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở pháp lý
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương						
1	Công viên cây xanh và kè dọc sông Đồng Nai	Biên Hòa	Bửu Long	1,78	1,78	Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 29/10/2019 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương một số dự án nhóm B trên địa bàn tỉnh
2	Cải tạo, nâng cấp trường tiểu học Nguyễn Tri Phương	Trảng Bom	Tây Hòa	0,46	0,46	Quyết định số 3269/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của UBND huyện Trảng Bom về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công đợt 1 năm 2019
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng đô thị; công trình thu gom, xử lý chất thải						
3	Dường ven sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	Biên Hòa	Bửu Long	17,64	17,64	Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 29/10/2019 của HĐND tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương một số dự án nhóm B trên địa bàn tỉnh
4	Trạm 110 kV khu đô thị Long Hưng và đường dây đầu nối	Biên Hòa	Phước Tân	0,40	0,40	Công văn số 7971/UBND-CNN ngày 12/7/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí trạm biến áp 110kV KĐT Long Hưng và hướng tuyến
5	Trạm biến áp 110kV Phước Tân và nhánh rẽ đầu nối	Biên Hòa	Phước Tân	0,87	0,87	Công văn số 12166/UBND-KTN ngày 22/10/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thỏa thuận vị trí trạm biến áp 110kV Phước Tân và đường dây đầu nối

STT	Tên công trình	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở pháp lý
6	Trạm Biến áp 110 kV Giang Điền và đường dây đầu nối	Biên Hòa	Phước Tân, Tam Phước	0,48	0,48	Công văn số 8318/UBND-KTN ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc điều chỉnh hướng tuyến đường dây 110kV đầu nối TBA 110kV Giang Điền
7	Đường Xuân Mỹ - Bảo Bình	Cẩm Mỹ	Bảo Bình, Xuân Mỹ	7,20	5,50	Nghị quyết 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/07/2019 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020 và chủ trương đầu tư một số dự án
8	Đường Thừa Đức đi thành phố Long Khánh	Cẩm Mỹ	Xuân Đường, Xuân Quế, Sông Nhạn	14,00	14,00	Nghị quyết 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/07/2019 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020 và chủ trương đầu tư một số dự án
9	Đường tổ 10, tổ 11 ấp Tân Hòa	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	1,80	0,80	Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 13/09/2019 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 - 2020
10	Đường khu 5 ấp Suối Cá, xã Long Giao	Cẩm Mỹ	Long Giao	0,40	0,40	Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án xã hội hóa giao thông nông thôn trên địa bàn xã Long Giao
11	Đường tổ 26 ấp Tân Hạnh, xã Xuân Bảo	Cẩm Mỹ	Xuân Bảo	1,87	0,87	Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 25/09/2019 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường tổ 26 ấp Tân Hạnh, xã Xuân Bảo
12	Nâng cấp đường Cọ Dầu 2 - Suối Lúc	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	2,75	1,10	Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 13/09/2019 của UBND huyện Cẩm Mỹ V/v Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 - 2020
13	Đường tổ 8, ấp 5, xã Xuân Tây	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	1,60	0,60	Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 13/09/2019 của UBND huyện Cẩm Mỹ về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 - 2020

STT	Tên công trình	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở pháp lý
14	Đường Nội đồng ấp 3 xã Xuân Tây đi Bảo Bình	Cầm Mỹ	Bảo Bình, Xuân Tây	3,80	1,80	Quyết định số 1200/QĐ-UBND ngày 26/09/2019 của UBND huyện Cầm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Đường Nội đồng ấp 3 xã Xuân Tây đi Bảo Bình Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 13/09/2019 của UBND huyện Cầm Mỹ về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 - 2020
15	Đường ấp 9, ấp 11 xã Xuân Tây đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình	Cầm Mỹ	Xuân Tây, Bảo Bình	5,40	2,40	Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 26/09/2019 của UBND huyện Cầm Mỹ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án: Đường ấp 9, ấp 11 xã Xuân Tây đi ấp Tân Xuân xã Bảo Bình Quyết định số 1124/QĐ-UBND ngày 13/09/2019 của UBND huyện Cầm Mỹ về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016 - 2020
16	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Suối Sao	Cầm Mỹ	Lâm Sơn	0,76	0,76	Văn bản số 6531/UBND-KT ngày 11/6/2019 của UBND tỉnh về việc xử lý bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Suối Sao trên địa bàn xã Lâm Sơn, huyện Cầm Mỹ
17	Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Lâm Sơn, Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Tây	Cầm Mỹ	Lâm Sơn, Sông Ray	0,37	0,37	Văn bản số 7354/UBND-KT ngày 28/06/2019 của UBND tỉnh về việc chủ trương đầu tư một số dự án hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn huyện Cầm Mỹ
18	Đường vào Cụm Công nghiệp Long Giao	Cầm Mỹ	Xuân Đường	3,51	1,11	Quyết định số 1167/QĐ-UBND ngày 24/09/2019 của UBND huyện Cầm Mỹ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng đường vào Cụm Công nghiệp Long Giao Công văn số 3395/UBND-CN ngày 15/7/2019 của UBND huyện Cầm Mỹ về việc triển khai cụm công nghiệp Long Giao
19	Đập dâng Cần Du 2	Định Quán	Phú Túc	0,28	0,28	Quyết định số 3000/QĐ-UBND ngày 24/12/2018 của UBND huyện Định Quán về việc thông báo định mức chi ngân sách nhà nước năm 2019

STT	Tên công trình	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở pháp lý
20	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi	Định Quán	Phú Tân	0,25	0,25	Quyết định số 2495/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án
21	Tuyến thoát nước ngoài ranh Khu dân cư, tái định cư Lộc An - Bình Sơn	Long Thành	Lộc An	2,36	2,36	Quyết định số 2269/QĐ-UBND ngày 23/7/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án
22	Trạm bơm Đắc Lua	Tân Phú	Đắc Lua	27,50	27,50	Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai Sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án
23	Đường đê bao Đồng Hiệp	Tân Phú	Phú Điền, Phú Thanh	3,60	3,60	Nghị quyết số 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai Sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016-2020 và chủ trương đầu tư một số dự án Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường đê bao Đồng Hiệp huyện Tân Phú
24	Đường Hùng Vương nội dài	Tân Phú	Thị trấn Tân Phú	4,80	4,80	Nghị quyết 158/2019/NQ-HĐND ngày 12/07/2019 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 83/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020 và chủ trương đầu tư một số dự án
25	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tân Phú	Thị trấn Tân Phú	2,20	2,20	Quyết định số 3459/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của UBND huyện Tân Phú về việc điều chỉnh, bổ sung giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
26	Trạm biến áp 110kV Núi Tượng và đường dây đầu nối	Tân Phú	Các xã	0,85	0,85	Văn bản số 8080/UBND-KTN ngày 16/7/2019 của UBND tỉnh về việc thỏa thuận hướng tuyến

STT	Tên công trình	Huyện	xã, phường, thị trấn	Diện tích dự án (ha)	Diện tích thu hồi (ha)	Cơ sở pháp lý
27	Cầu Suối Đức	Tân Phú	Trà Cỏ	0,06	0,06	Quyết định số 3513/QĐ-UBND ngày 07/8/2019 của UBND huyện Tân Phú phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Cầu Suối Đức xã Trà Cỏ Quyết định số 3459/QĐ-UBND ngày 05/8/2019 của UBND huyện Tân Phú về việc điều chỉnh, bổ sung giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020
28	Đường điện 220KV Sông Máy - Tam Phước	Trảng Bom	Bình Minh	0,35	0,35	Văn bản số 3926/UBND-CNN ngày 20/4/2018 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ hướng tuyến đường dây 220 kV Sông Máy - Tam Phước
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị; khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung; dự án phát triển rừng phòng hộ, rừng đặc dụng						
29	Nhà ở thấp tầng kết hợp TMDV số 45 (Cty Đông Á Phát)	Biên Hòa	Thống Nhất	0,98	0,03	Quyết định số 2700/QĐ-UBND ngày 03/08/2017 của UBND tỉnh về việc chủ trương đầu tư dự án Đã có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2019, tuy nhiên có điều chỉnh ranh giới dự án



PHỤ LỤC IV

Đanh mục các dự án thu hồi đất tiếp tục thực hiện

(Kèm theo Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương						
1	Mở rộng trường THCS Hòa Hưng	DGD	Biên Hòa	An Hòa	0,21	38
2	Mở rộng đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh	DDT	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,26	144
3	Mở rộng đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh	DDT	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,27	166
4	Trường TH Long Bình 1	DGD	Biên Hòa	Long Bình	1,00	166
5	Trường THCS Ngô Nhơn Tịnh	DGD	Biên Hòa	Quyết Thắng	1,00	38
6	Trường TH Tân Hiệp	DGD	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,90	38
7	Xây dựng bia tưởng niệm liệt sỹ và trung tâm học tập công đồng	DVH	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,08	166
8	Trường THCS Tân Phong	DGD	Biên Hòa	Tân Phong	1,58	183
9	Trường THCS Phan Đăng Lưu	DGD	Biên Hòa	Thanh Bình	0,45	183
10	Bảo tồn lăng mộ Trịnh Hoài Đức	DDT	Biên Hòa	Trung Dũng	0,58	166

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
11	Nhà cộng đồng dân tộc Mường	DVH	Định Quán	Phú Túc	0,16	38
12	Trường TH Võ Thị Sáu ấp 5 (mở rộng)	DGD	Định Quán	Suối Nho	1,00	38
13	Trung tâm VH-TT- HTCD xã Thanh Sơn	DVH	Định Quán	Thanh Sơn	0,44	38
14	Mở rộng trường THCS Bảo Quang	DGD	Long Khánh	Bảo Quang	0,20	144
15	Trường mẫu giáo Vành Khuyên	DGD	Long Khánh	Bàu Trâm	0,20	21
16	Trường Mẫu giáo Vành Khuyên	DGD	Long Khánh	Bàu Trâm	0,20	144
17	Ban chỉ huy quân sự xã Bảo Quang	TSC	Long Khánh	Hàng Gòn	0,05	38
18	Ban chỉ huy quân sự phường Phú Bình	TSC	Long Khánh	Phú Bình	0,05	38
19	Ban chỉ huy quân sự phường Phú Bình	TSC	Long Khánh	Phú Bình	0,05	144
20	Trường Mầm non Xuân An (Quang Trung)	DGD	Long Khánh	Xuân An	0,03	144
21	Trường TH Bình Sơn	DGD	Long Thành	Bình Sơn	1,00	183
22	Trường MN Tam An	DGD	Long Thành	Tam An	1,00	183
23	Dự án xây dựng phòng Khám Đa Khoa do Công ty Cổ phần Đầu tư bất Động sản Long làm chủ đầu tư	DYT	Nhơn Trạch	Đại Phước	0,57	166
24	Dự án xây dựng Trung tâm quan trắc và cảnh báo phóng xạ môi trường	TSC	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,50	166

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
25	Trường THCS Long Thọ 2	DGD	Nhơn Trạch	Long Thọ	1,09	57
26	Trường Tiểu học Long Thọ 2	DGD	Nhơn Trạch	Long Thọ	1,07	57
27	Nhà bia tưởng niệm liệt sĩ	DVH	Nhơn Trạch	Long Thọ	0,04	144
28	Trạm hàng hải quản lý luồng sông Đồng Nai	TSC	Nhơn Trạch	Phú Hữu	0,60	144
29	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao xã Phú Thạnh kết hợp NVH ấp 2	DVH	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	0,32	38
30	Trường MN Phú Bình (mở rộng)	DGD	Tân Phú	Phú Bình	0,62	38
31	Trường mầm non Phú Trung	DGD	Tân Phú	Phú Trung	0,45	183
32	Trụ sở UBND thị trấn Tân Phú	TSC	Tân Phú	TT. Tân Phú	0,40	38
33	Trụ sở công an xã Xuân Thiện	TSC	Thống Nhất	Xuân Thiện	0,19	183
34	Trụ sở Làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã Xuân Thiện	TSC	Thống Nhất	Xuân Thiện	0,25	144
35	Mở rộng trường TH Phân hiệu Phú Sơn	DGD	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,30	38
36	Trụ sở công an xã	TSC	Trảng Bom	Bình Minh	0,20	38
37	Trụ sở công an xã	TSC	Trảng Bom	Giang Điền	0,10	38
38	Trụ sở công an xã	TSC	Trảng Bom	Hố Nai 3	0,15	38

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
39	Mở rộng Trường Tiểu học An Bình	DGD	Trảng Bom	Trung Hòa	0,30	144
40	Kênh mương Hồ Gia Măng	DTL	Xuân Lộc	Các xã	15,00	144
41	Giếng khoan quan trắc (TD1, TD3, TD4, TD7, TD8, TD9, TD13, TD14, TD21, TD22, TD23, TD28)	DKH	Xuân Lộc	Các xã	0,12	38
42	Giếng khoan quan trắc (NB-19AB; NB-22AB)	DKH	Xuân Lộc	Các xã	0,04	38
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm: Giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng						
43	Xây dựng tuyến đường Hương lộ 2 (đoạn 1)	DGT	Biên Hòa	An Hòa	11,70	166
44	Đường Nguyễn Tri Phương	DGT	Biên Hòa	Bửu Hòa	2,63	57
45	Đường nối từ Cầu Bửu Hòa đến Quốc lộ 1K	DGT	Biên Hòa	Bửu Hòa	7,20	183
46	Đường vào Nhà tang lễ	DGT	Biên Hòa	Bửu Long	0,37	38
47	Đường ven sông từ cầu Hóa An đến bến đò Trạm	DGT	Biên Hòa	Bửu Long	7,40	38
48	Đường A11 (đường vào trường Phan Bội Châu)	DGT	Biên Hòa	Long Bình	2,94	144
49	Trạm 110kV khu đô thị Long Hưng và đường dây đầu nối	DNL	Biên Hòa	Phước Tân	0,40	38
50	Hệ thống thoát nước khu vực suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan	DTL	Biên Hòa	Phước Tân, Long Bình Tân	18,00	183

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
51	Đường ven sông Cái	DGT	Biên Hòa	Quyết Thắng, Thống Nhất, Tân Mai, Tam Hiệp, An Bình	29,30	183
52	Nâng cấp Hương lộ 21 liên huyện Long Thành và thành phố Biên Hòa	DGT	Biên Hòa	Tam Phước	11,98	144
53	Trạm biến áp 110Kv Giang Điền và đường dây đầu nối	DNL	Biên Hòa	Tam Phước, Phước Tân	0,27	38
54	Đường vào trường THCS Tân Hiệp	DGT	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,40	183
55	Đường vào THCS Tân Phong	DGT	Biên Hòa	Tân Phong	0,23	38
56	Tuyến đường kết nối vào khu nhà ở kết hợp du lịch (đường D6 và D35) phường Tân Vạn - Công ty Tín Nghĩa Á Châu	DGT	Biên Hòa	Tân Vạn	7,88	38
57	Đường dây 110 kV Vĩnh An - Định Quán 2	DNL	Các huyện	các xã	0,63	38
58	Tỉnh lộ 763	DGT	Các huyện	Các xã	46,10	144
59	Trạm 110kV Xuân Đông và đường dây đầu nối	DNL	Các huyện	Xuân Đông	1,14	38
60	Hồ Thoại Hương	MNC	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	50,00	38
61	Đường vào cụm công nghiệp Long Giao	DGT	Cẩm Mỹ	Xuân Đường	2,40	21
62	Đường Xuân Bắc - Thanh Sơn	DGT	Định Quán	Các xã	49,78	38
63	Hồ Cà Ròn và hệ thống kênh thủy lợi	DTL	Định Quán	Gia Canh	174,00	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
64	Hệ thống thủy lợi trồng mía Định Quán	DTL	Định Quán	Gia Canh, Phú Hòa	11,50	38
65	Trạm BA 110 kV Định Quán 2 và đường dây	DNL	Định Quán	La Ngà	0,64	38
66	Hệ thống cấp nước tập trung Phú Ngọc - Ngọc Định - La Ngà	DTL	Định Quán	Ngọc Định	0,68	183
67	Trạm bơm áp 7 và kênh tưới Phú Tân	DTL	Định Quán	Phú Tân	2,02	38
68	Bến xe Phú Túc (mở rộng)	DGT	Định Quán	Phú Túc	0,65	183
69	Trạm bơm áp 1 Thanh Sơn và hệ thống kênh	DTL	Định Quán	Thanh Sơn	6,40	38
70	Mương thoát nước Làng dân tộc Choro (giai đoạn 1)	DTL	Long Khánh	Bảo Vinh	0,03	21
71	Đ. Suối Chồn - Bầu Cối (nâng cấp, mở rộng)	DGT	Long Khánh	Bảo Vinh, Bảo Quang	11,38	21
72	Hệ thống tiêu thoát lũ xã Bình Lộc	DTL	Long Khánh	các xã	1,00	38
73	Nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước tập trung	DTL	Long Khánh	Hàng Gòn	0,10	21
74	Nâng cấp hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Hùng Vương (Cải tạo tuyến đường Hùng Vương)	DTL	Long Khánh	Xuân Bình, Xuân An, Xuân Hòa, Xuân Trung	0,05	144
75	Đường CMT8 (ND)	DGT	Long Khánh	Xuân An, Xuân Hòa	5,71	183
76	Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Văn Nghệ	DGT	Long Khánh	Xuân Trung	0,18	21
77	Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Văn Nghệ	DGT	Long Khánh	Xuân Trung	0,65	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
78	Đường Hương Lộ 2 nối dài	DGT	Long Thành	Tam An	35,00	183
79	Đường Phước Bình	DGT	Long Thành	các xã	3,27	38
80	Dự án BOT đường 319 nối dài và nút giao đường cao tốc TP HCM-Long Thành-Dầu Giây.	DGT	Long Thành	các xã, thị trấn	13,00	183
81	Đường liên cảng	DGT	Nhơn Trạch	Đại Phước, Phước Khánh, Phú Hữu, Phú Đông	94,55	144
82	Trạm biến áp 220KV An Phước	DNL	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,28	57
83	Đường ranh khu TĐC Hiệp Phước 3	DGT	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,78	144
84	Đường N1 từ khu TĐC Hiệp Phước 3 ra đường Hùng Vương	DGT	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,32	144
85	Dự án Đường dây điện 110KV 02 mạch kết nối khu công nghiệp Dệt May - Nhơn Trạch 6 - Nhơn Trạch 3 - Long Thành	DNL	Nhơn Trạch	Hiệp Phước - Long Thọ	0,10	166
86	Xây dựng hạ tầng giao thông khu dân cư trung tâm huyện	DGT	Nhơn Trạch	Long Tân, Phú Hội	43,66	144
87	Đường số 13 (từ khu 347 ha đến đường số 1)	DGT	Nhơn Trạch	Long Tân, Phú Hội	15,04	144
88	Dự án Nâng cấp mở rộng Đường số 2	DGT	Nhơn Trạch	Long Tân, Phú Hội, Vĩnh Thanh	2,69	166
89	Nâng cấp Đường dây 110KV Long Thành - Hyosung từ 02 mạch lên 04 mạch cấp điện cho TBA Hyosung	DNL	Nhơn Trạch	Long Tân, Phước Thiện, Phú Hội	0,03	21
90	Bãi đậu xe kết hợp trồng cây xanh	DGT	Nhơn Trạch	Phú Hội	1,12	144
91	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu 1	DGT	Nhơn Trạch	Phú Hữu	33,72	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
92	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu 3	DGT	Nhơn Trạch	Phú Hữu	42,70	144
93	Đường vào Trạm biến áp 220KV Nhơn Trạch	DGT	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	0,03	57
94	Bến xe container (Công ty Hào Bàng)	DGT	Nhơn Trạch	Phước An	8,90	183
95	Trạm xử lý nước thải số 1 (giai đoạn 1)	DTL	Nhơn Trạch	Phước An	6,50	144
96	Đường vào KCN Ông Kèo	DGT	Nhơn Trạch	Phước An, Phước Khánh, Vĩnh Thanh	91,44	144
97	Dự án xây dựng dịch vụ hàng hải khu vực Cảng biển Nhóm 5 Nhơn Trạch do Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiên Thạch làm chủ đầu tư	DGT	Nhơn Trạch	Phước Khánh	25,42	57
98	Dự án bổ sung diện tích dự án Đường dây 110KV Long Thành - KCN Ông Kèo	DNL	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	0,05	166
99	Đường dây 110 KV 02 mạch Hyosung 2 đầu nối chuyển tiếp vào đường dây 110KV Hyosung - Dệt may	DNL	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh Phước An	0,10	21
100	Dự án Đường dây điện 110KV Trạm 220KV thành phố Nhơn Trạch	DNL	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh Phước An	0,22	166
101	Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2)	DTL	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh, Phước Khánh, Long Tân, Phú Hội	4,26	144
102	Đường Phú An - Thanh Sơn	DGT	Tân Phú	Phú An, Thanh Sơn	0,34	21
103	Đường be 29 đoạn từ km0+00 đến km 3+560 (mở rộng)	DGT	Tân Phú	Phú Thạnh	0,64	38
104	Đường Phú Trung - Phú An	DGT	Tân Phú	Phú Trung, Phú An	7,31	38

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
105	Đường 600B	DGT	Tân Phú	Phú Xuân, Phú An	6,00	38
106	Đường Phú Xuân - Thanh Sơn	DGT	Tân Phú	Phú Xuân, Thanh Sơn	0,61	21
107	Đường Trương Công Định	DGT	Tân Phú	Thị trấn Tân Phú, Trà Cỏ	0,77	38
108	Cải tạo tăng công suất tải đường dây 110kV từ TBA 500kV Sông Mây - TBA 110kV Bắc Sơn (đoạn số 1) và từ TBA 110 Bắc Sơn - TBA 110kV Tân Hòa	DNL	Trảng Bom	Bắc Sơn	0,03	38
109	Đường Nguyễn Hữu Cánh từ đường Đinh Tiên Hoàng đến ngã ba Cây Gáo	DGT	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	0,73	21
110	Đường 29/4 (đoạn trước NT cao su)	DGT	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	0,40	38
111	Đường 3/2 (đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Nguyễn Văn Linh)	DGT	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	0,50	38
112	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Đinh Tiên Hoàng đến đường Nguyễn Hoàng)	DGT	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	0,60	38
113	Đường Nguyễn Huệ (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng Hoàng đến QL 1A)	DGT	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	0,55	38
114	Đường Nguyễn Tri Phương (đoạn từ đường Nguyễn Hữu Cánh đến đường Hùng Vương)	DGT	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	0,36	38
115	Đường N1	DGT	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	0,60	144
116	Đường D6	DGT	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	0,40	144
117	Đường Nguyễn Huệ đoạn từ đường Nguyễn Tri Phương đến QL 1A	DGT	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	0,50	144
118	Đường D6 nối dài đoạn từ đường Lý Nam Đế đến hết tuyến (giáp sân Golf)	DGT	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	1,10	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
119	Hệ thống thoát nước Khu tái định cư 3,8 ha Tân An	DTL	Vĩnh Cửu	Tân An	0,04	21
120	Đường vào cụm công nghiệp Thạnh Phú - Thiện Tân	DGT	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	3,00	21
121	Mở rộng đường Bảo Hòa - Long Khánh	DGT	Xuân Lộc	Xuân Định, Bảo Hòa	5,61	21
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở						
122	Khu dân cư tái định cư Bửu Hòa - Tân Vạn	ODT	Biên Hòa	Bửu Hòa	21,30	144
123	Khu dân cư và tái định cư (cty Tín Nghĩa)	ONT	Biên Hòa	Hiệp Hòa	3,40	144
124	Mở rộng chợ Hóa An	DCH	Biên Hòa	Hóa An	1,59	144
125	Văn phòng khu phố 2	DSH	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,02	144
126	Sân thể thao ấp 6	DTT	Định Quán	Phú Lợi	0,16	144
127	Nghĩa trang Thanh Sơn	NTD	Định Quán	Thanh Sơn	2,40	144
128	Khu tái định cư 3	ODT	Định Quán	Thị trấn Định Quán	11,70	183
129	Nghĩa trang Hàng Gòn (mở rộng)	NTD	Long Khánh	Hàng Gòn	47,49	21
130	Chi hội Tin Lành Cẩm Đường	TON	Long Thành	Cẩm Đường	0,12	21
131	Tu xá mẹ Mân Côi 2	TON	Long Thành	Thị trấn Long Thành	0,20	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
132	Khu Tái định cư Long Tân	ONT	Nhơn Trạch	Long Tân	21,00	144
133	Chùa Long Hương	TON	Nhơn Trạch	Long Tân	0,96	144
134	Khu dân cư theo quy hoạch	ONT	Nhơn Trạch	Phú Đông	1,96	144
135	Trụ sở ấp Phú Mỹ 1	DSH	Nhơn Trạch	Phú Hội	0,04	144
136	Giáo xứ Nghĩa Hiệp	TON	Nhơn Trạch	Phước Khánh	0,02	183
137	Nhà Văn hóa Hòa Bình	DSH	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	0,04	38
138	Nhà Văn hóa Ấp Thống Nhất	DSH	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	0,05	38
139	Nhà Văn hóa ấp Vĩnh Cửu	DSH	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	0,03	38
140	Nhà văn hoá trên địa bàn 4 ấp thuộc xã Vĩnh Thanh	DSH	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	0,20	144
141	Chùa Vĩnh Giác	TON	Tân Phú	Phú An	0,80	21
142	Niệm phật đường Hồng Trung Sơn	TON	Tân Phú	Nam Cát Tiên	1,66	183
143	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 1 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	DSH	Tân Phú	Phú Thanh	0,22	144
144	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Tân Yên	DSH	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,05	144
145	Khu tái định cư	ODT	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	1,45	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
146	Khu dân cư phục vụ tái định cư ấp Ông Hường	ONT	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	4,60	183
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản,						
147	Khu dân cư tạo vốn đường từ cầu Bửu Hòa đến QL1K (dự án BT)	ODT	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	40,00	38
148	Khu nhà ở biệt thự và khu tái định cư Núi Đồng Dài	ONT	Biên Hòa	Phước Tân	154,62	183
149	Khu dân cư (Công ty Đồng Thuận)	ONT	Biên Hòa	Phước Tân	10,40	144
150	Khu đô thị sinh thái Long Thành	ONT	Biên Hòa	Phước Tân	56,00	144
151	Khu đô thị du lịch sinh thái Long Thành (Cty Golf Long Thành)	ODT	Biên Hòa	Phước Tân, Tam Phước	771,00	183
152	Khu dân cư nhà ở Phú Thuận Lợi (Cty CP Địa ốc Phú Thuận Lợi)	ODT	Biên Hòa	Tam Phước	19,10	183
153	Dự án khu dân cư và tái định cư Tân Biên 2 (Tín Nghĩa)	ODT	Biên Hòa	Tân Biên	0,23	166
154	Khu dân cư và trạm kinh doanh xăng dầu - Cty Cổ phần Đồng Tiến	ODT	Biên Hòa	Tân Tiến	2,74	21
155	Khu dân cư phường Tân Tiến (khu đất Cty Đồng Tiến)	ODT	Biên Hòa	Tân Tiến	0,84	183
156	Khu dân cư số 3, Trung tâm huyện	ONT	Cẩm Mỹ	Long Giao	0,21	183
157	Cụm công nghiệp Long Giao	SKK	Cẩm Mỹ	Long Giao	57,30	166
158	Cụm CN Phú Túc	SKN	Định Quán	Phú Túc	50,00	38

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
159	Khu dân cư An Thuận (mở rộng giai đoạn 2)	ONT	Long Thành	Long An	45,00	21
160	Khu dân cư Long Phước (Công ty TNHH đầu tư phát triển BĐS do đặc xây dựng Ngân Hà)	ONT	Long Thành	Long Phước	5,69	38
161	Cụm CN Long Phước 1	SKN	Long Thành	Long Phước	75,00	183
162	Khu dân cư theo quy hoạch của Cty TNHH Quản lý tài sản Phúc Thịnh	ONT	Long Thành	Phước Bình	5,81	144
163	Cụm CN Phước Bình	SKN	Long Thành	Phước Bình	75,00	144
164	Khu dân cư Riverside	ONT	Long Thành	Thị Trấn Long Thành	40,00	183
165	Khu dân cư	ODT	Long Thành	Thị Trấn Long Thành	40,00	144
166	Khu dân cư theo quy hoạch tại TTLT (Cty TNHH MTV Nam Long Long Thành)	ODT	Long Thành	Thị Trấn Long Thành	4,60	38
167	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Long Tân do Công ty Cổ phần Đầu tư Đất Ngọc làm chủ đầu tư.	ONT	Nhơn Trạch	Đại Phước	4,50	21
168	Đô thị du lịch xã Đại Phước(Tín Nghĩa)	ONT	Nhơn Trạch	Đại Phước	20,00	38
169	Khu Đô thị Du lịch Đại Phước	ONT	Nhơn Trạch	Đại Phước	20,00	144
170	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Đại Phước do Công ty TNHH MTV BĐS Bảo Cường làm chủ đầu tư	ONT	Nhơn Trạch	Đại Phước	9,60	166
171	Khu dân cư Đại Phước - Phú Hữu (1)	ONT	Nhơn Trạch	Đại Phước, Phú Hữu	64,13	144
172	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Long Tân do Công ty Cổ phần Địa ốc Quốc Hương làm chủ đầu tư	ONT	Nhơn Trạch	Long Tân	9,50	21

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
173	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hiệp Phú làm chủ đầu tư	ONT	Nhơn Trạch	Long Tân	22,28	57
174	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty TNHH Kinh doanh Nhà Khang Việt Hưng làm chủ đầu tư.	ONT	Nhơn Trạch	Long Tân	46,50	57
175	Khu dân cư Long Tân (1)	ONT	Nhơn Trạch	Long Tân	95,00	144
176	Khu dân cư theo quy hoạch	ONT	Nhơn Trạch	Long Tân	35,00	144
177	Khu dân cư thương mại	ONT	Nhơn Trạch	Long Tân, Phú Hội	9,90	144
178	Khu dân cư Long Thọ - Phước An	ONT	Nhơn Trạch	Long Thọ, Phước An	40,00	144
179	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Thiên Hà Group làm chủ đầu tư	ONT	Nhơn Trạch	Phú Đông	3,29	57
180	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng đô thị An Hòa làm chủ đầu tư	ONT	Nhơn Trạch	Phú Hội	34,04	57
181	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Phú Hội do Công ty Cổ phần Văn Lang làm chủ đầu tư	ONT	Nhơn Trạch	Phú Hội	4,00	166
182	Dự án xây dựng Khu dân cư xã Phú Hội do Công ty Cổ phần Địa Ốc Toàn Thành làm chủ đầu tư	ONT	Nhơn Trạch	Phú Hội	4,00	166
183	Dự án xây dựng Khu dân cư Long Tân - Phú Hội (Công ty PVII)	ONT	Nhơn Trạch	Phú Hội Long Tân	9,99	57
184	Khu dân cư	ONT	Nhơn Trạch	Phú Hữu	56,00	144
185	Khu dân cư theo quy hoạch	ONT	Nhơn Trạch	Phú Hữu	4,45	144
186	Khu dân cư nhà ở biệt thự nghỉ dưỡng	ONT	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	8,16	38

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
187	KDC Cty cổ phần Nhơn Trạch	ONT	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	90,00	144
188	Trung tâm Hành chính - Văn hóa - Thể thao kết hợp chợ, phố chợ	ONT	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	48,18	144
189	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Đầu tư Căn Nhà Mơ Ước làm chủ đầu tư	ONT	Nhơn Trạch	Phước An	43,20	57
190	Khu nuôi tôm siêu thâm canh do Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ Khoa học và Công nghệ - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai làm chủ đầu tư.	NTS	Nhơn Trạch	Phước An	51,00	57
191	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang)	ONT	Nhơn Trạch	Phước Thiện	9,90	38
192	Khu dân cư theo quy hoạch do Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Địa ốc Sài Gòn	ONT	Nhơn Trạch	Phước Thiện	16,18	57
193	KDC Phước Thiện	ONT	Nhơn Trạch	Phước Thiện	35,00	144
194	Khu dân cư theo quy hoạch	ONT	Nhơn Trạch	Phước Thiện	43,48	144
195	Khu tái định cư Vĩnh Thanh	ONT	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	25,00	21
196	Khu dân cư Vĩnh Thanh - Phú Thạnh (1)	ONT	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh	92,00	144
197	Cụm công nghiệp Phú Thanh	SKN	Tân Phú	Phú Thanh	30,00	57
198	Khu dân cư Dịch vụ Giang Điền (Long Điền)	ONT	Trảng Bom	Giang Điền	97,00	144
199	Khu dân cư Dịch vụ Giang Điền (Khu B-Sonadezi)	ONT	Trảng Bom	Giang Điền	105,84	144
200	Khu dân cư mật độ thấp	ONT	Trảng Bom	Giang Điền, Đồi 61, Quảng Tiến	50,00	166

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
201	Cụm công nghiệp Vĩnh Tân	SKN	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	54,80	57
202	Cụm Công Nghiệp Xuân Hưng	SKN	Xuân Lộc	Xuân Hưng	20,69	38
TỔNG					3.839,64	



PHỤ LỤC V

Danh mục các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ tiếp tục thực hiện

(Kèm theo Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó		Số Nghị quyết
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	
1	Cụm công nghiệp Phú Túc	Định Quán	Phú Túc	50,00	0,51		38
2	Làng nghề mây tre đan Gia Canh	Định Quán	Gia Canh	2,64	0,03		38
3	Trung tâm Văn hoá thể thao - học tập cộng đồng	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	0,88	0,18		144
4	Trường TH Tân Hiệp	Biên Hòa	Tân Hiệp	0,90	0,06		38
5	Trường THCS Tân Phong	Biên Hòa	Tân Phong	1,58	0,57		57
6	Trường THCS Long Thọ 2	Nhơn Trạch	Long Thọ	1,09	0,80		57
7	Trường Tiểu học Long Thọ 2	Nhơn Trạch	Long Thọ	1,07	0,75		57
8	Đường nối từ đường Nguyễn Ái Quốc tới đường nối Phan Đình Phùng - Cây Chàm (đường vào Viện kiểm sát)	Biên Hòa	Quang Vinh	0,34	0,24		144
9	Nâng cấp Hương lộ 21 liên huyện Long Thành và thành phố Biên Hòa	Biên Hòa	Tam Phước	11,98	0,13		144
10	Xây dựng tuyến đường Hương lộ 2 (đoạn 1)	Biên Hòa	An Hòa	11,70	4,00		166
11	Đường nối từ Cầu Bửu Hòa đến Quốc lộ 1K	Biên Hòa	Bửu Hòa	7,20	0,62		183
12	Đường ven sông từ cầu Hóa An đến bến đò Trạm	Biên Hòa	Bửu Long	7,40	0,51		38
13	Đường Xuân Bắc - Thanh Sơn	Định Quán	Các xã	130,16	0,03		38
14	Đường giao thông đầu nối đường Lý Thái Tổ với đường Trần Phú	Định Quán	Thị trấn Định Quán	0,40	0,24		38
15	Xây dựng tuyến đường vào khu TĐC Sen Việt (Cty CP Đầu tư Sen Việt Công thương)	Nhơn Trạch	Phú Đông	2,80	1,04		144
16	Bến cảng tổng hợp Phú Hữu 1	Nhơn Trạch	Phú Hữu	33,72	0,41		144

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó		Số Nghị quyết
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	
17	Bến xe container (Công ty Hào Bàng)	Nhơn Trạch	Phước An	8,90	4,90		183
18	Mở rộng đường Bảo Hòa - Long Khánh	Xuân Lộc	Xuân Định, Bảo Hòa	6,00	1,60		21
19	Tỉnh lộ 763	Các huyện	Các xã	61,70	1,69		144
20	Hệ thống thoát nước Khu tái định cư 3,8 ha Tân An	Vĩnh Cửu	Tân An	0,04	0,04		21
21	Trạm biến áp 220KV An Phước	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,28	0,28		57
22	Mở rộng chợ Hóa An	Biên Hòa	Hóa An	1,59	0,12		144
23	Chợ Ngọc Lâm	Tân Phú	Phú Xuân	0,31	0,31		144
24	Khu dân cư Long Phước (Công ty TNHH đầu tư phát triển BĐS do đặc xây dựng Ngân Hà)	Long Thành	Long Phước	5,69	1,85		38
25	Khu dân cư Vĩnh Thanh - Phú Thạnh (1)	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh	92,00	0,31		144
26	Khu dân cư nhà ở biệt thự nghỉ dưỡng	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	8,16	5,50		38
27	Khu dân cư theo QH (Địa ốc Minh Khang)	Nhơn Trạch	Phước Thiện	9,90	9,50		38
28	Đô thị du lịch xã Đại Phước (Tín Nghĩa)	Nhơn Trạch	Đại Phước	130,75	8,92		38
29	Khu dân cư Dịch vụ Giang Điền (Khu B-Sonadezi)	Trảng Bom	Giang Điền	105,84	8,34		144
30	Khu dân cư mật độ thấp	Trảng Bom	Giang Điền	50,00	7,70		166
31	Khu dân cư và tái định cư (cty Tín Nghĩa)	Biên Hòa	Hiệp Hòa	3,40	3,40		144
32	Khu đô thị sinh thái Long Thành	Biên Hòa	Phước Tân	56,00	6,61		144
33	Khu dân cư Thương mại dịch vụ	Biên Hòa	Bửu Hòa, Tân Vạn	21,30	1,21		38

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó		Số Nghị quyết
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	
34	Khu dân cư theo quy hoạch tại TTLT (Cty TNHH MTV Nam Long Long Thành)	Long Thành	Thị trấn Long Thành	4,60	4,60		38
35	Trạm hàng hải quản lý luồng sông Đồng Nai	Nhơn Trạch	Phú Hữu	0,56	0,29		144
36	Trụ sở xã đội	Tân Phú	Phú Sơn	0,10	0,01		144
37	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 1 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	Tân Phú	Phú Thanh	0,22	0,14		144
38	Công trình ANTT tại khu vực ngã 3 sông Đồng Tranh	Nhơn Trạch	Phước An	10,00		0,05	144
39	Đường 600B	Tân Phú	Phú Xuân, Phú An	12,00		0,19	38
40	Niệm Phật đường Hồng Trung Sơn	Tân Phú	Nam Cát Tiên	1,66		1,66	183
TỔNG CỘNG				854,86	77,44	1,90	



PHỤ LỤC VI

Danh mục hủy bỏ các dự án thu hồi đất

(Kèm theo Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
a) Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được xếp hạng, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương						
1	Trung tâm văn hóa phường	DVH	Biên Hòa	Bửu Long	0,59	144
2	Trung tâm văn hóa - thể thao	DVH	Biên Hòa	Hòa Bình	0,36	144
3	Di tích Mộ Đoàn Văn cự và 16 nghĩa binh	DDT	Biên Hòa	Long Bình	0,65	166
4	Trường TH Phước Tân 2	DGD	Biên Hòa	Phước Tân	1,11	38
5	Trụ sở Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh	TSC	Biên Hòa	Quang Vinh	0,26	57
6	Trung tâm Tin học - Thông tin Khoa học Công nghệ	DTS	Biên Hòa	Quang Vinh	0,37	144
7	Trung tâm y tế thành phố Biên Hòa	DYT	Biên Hòa	Quang Vinh	0,13	144
8	Trung tâm văn hóa - thể thao	DVH	Biên Hòa	Quang Vinh	0,23	144
9	Khu hiệu bộ trường THCS bán công Quyết Thắng (Ban Quản lý Dự án thành phố)	DGD	Biên Hòa	Quyết Thắng	0,20	166
10	Trường THPT Tam Hiệp (mở rộng)	DGD	Biên Hòa	Tam Hiệp	0,61	38
11	Trung tâm văn hóa phường	DVH	Biên Hòa	Tam Hòa	0,28	144
12	Mở rộng trường Trung cấp nghề Đinh Tiên Hoàng	DGD	Biên Hòa	Tân Hiệp	3,35	166
13	Trường thực hành của Đại học Đồng Nai	DGD	Biên Hòa	Tân Phong	7,18	38
14	Mở rộng Trường Tiểu học Tân Phong A	DGD	Biên Hòa	Tân Phong	0,40	144
15	Trường Trung cấp nghề kinh tế - Kỹ thuật số 2 (cơ sở 2)	DGD	Biên Hòa	Tân Phong	2,20	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
16	Trường Mầm non công lập (vị trí khu phố 7)	DGD	Biên Hòa	Thống Nhất	0,63	57
17	Trường Cao đẳng nghề Đồng Nai	DGD	Biên Hòa	Thống Nhất	0,82	144
18	Trụ sở công an xã	TSC	Cẩm Mỹ	Bảo Bình	0,20	144
19	Trụ sở công an xã	TSC	Cẩm Mỹ	Lâm San	0,20	144
20	Trụ sở công an xã	TSC	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	0,30	144
21	Trụ sở công an xã	TSC	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,20	144
22	Trụ sở công an xã	TSC	Cẩm Mỹ	Thừa Đức	0,33	144
23	Trụ sở công an xã	TSC	Cẩm Mỹ	Xuân Bảo	0,20	144
24	Trụ sở công an xã	TSC	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	0,20	144
25	Trụ sở công an xã	TSC	Cẩm Mỹ	Xuân Đường	0,20	144
26	Trụ sở công an xã	TSC	Cẩm Mỹ	Xuân Mỹ	0,20	144
27	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng	DVH	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,50	38
28	Trung tâm văn hóa thể thao - Học tập cộng đồng	DVH	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,35	144
29	Trụ sở công an xã	TSC	Cẩm Mỹ	Xuân Tây	0,20	144
30	Trụ sở công an xã Phú Lợi	TSC	Định Quán	Phú Lợi	0,20	38
31	Trường MN Phú Ngọc (Ấp 3)	DGD	Định Quán	Phú Ngọc	0,40	183
32	Trạm kiểm lâm La Ngà	TSC	Định Quán	Phú Ngọc	0,03	144
33	Trụ sở Công an xã Phú Tân	TSC	Định Quán	Phú Tân	0,20	166
34	Trụ sở công an xã	TSC	Định Quán	Thanh Sơn	0,22	38

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
35	Trụ sở Công an TT. Định Quán	TSC	Định Quán	TT. Định Quán	0,25	166
36	Trạm kiểm lâm Cao Cang	TSC	Định Quán	TT.Định Quán	0,10	144
37	Khu căn cứ cách mạng Thị ủy	DDT	Long Khánh	Bảo Quang	4,80	144
38	Ban chỉ huy quân sự xã Bảo Vinh	TSC	Long Khánh	Bảo Vinh	0,05	183
39	Trụ sở công an xã Bàu Sen	TSC	Long Khánh	Bàu Sen	0,04	38
40	Trạm y tế Hàng Gòn	DYT	Long Khánh	Hàng Gòn	0,20	21
41	Ban chỉ huy quân sự phường Xuân Hoà	TSC	Long Khánh	Xuân Hòa	0,05	144
42	Trụ sở VPĐKKĐ Chi nhánh Long Thành	TSC	Long Thành	An Phước	0,15	144
43	Trụ sở công an xã Lộc An	TSC	Long Thành	Lộc An	0,20	38
44	Bệnh viện đa khoa (khu dân cư 25B)	DYT	Long Thành	Long An	3,44	144
45	Ban chỉ huy quân sự xã Long Đức	TSC	Long Thành	Long Đức	0,20	38
46	Trụ sở công an xã Long Đức	TSC	Long Thành	Long Đức	0,20	38
47	Trạm y tế khu 15	DYT	Long Thành	Long Đức	0,10	144
48	Trung tâm ngoại ngữ tin học	DGD	Long Thành	Thị trấn Long Thành	0,10	144
49	Trường đào tạo ngoại ngữ-tin học và Văn hóa hàng không của HTX DV nông nghiệp và đầu tư phát triển Long Thành	DGD	Long Thành	Thị trấn Long Thành	0,10	166
50	Trường MN Nam Cát Tiên (ấp 8)	DGD	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,25	144
51	Trường MN Phú An (mở rộng)	DGD	Tân Phú	Phú An	0,50	183
52	Trụ sở BCHQS xã Phú Lâm	TSC	Tân Phú	Phú Lâm	0,20	183
53	Trạm y tế xã	DYT	Tân Phú	Phú Lâm	0,33	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
54	Trụ sở làm việc công an xã Phú Lộc	TSC	Tân Phú	Phú Lộc	0,10	21
55	Trường TH Nguyễn Du	DGD	Tân Phú	Phú Sơn	1,53	38
56	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng xã Phú Thịnh	DVH	Tân Phú	Phú Thịnh	0,50	144
57	Trụ sở Ban CHQS xã Phú Xuân	TSC	Tân Phú	Phú Xuân	0,10	183
58	Trụ sở công an xã	TSC	Tân Phú	Phú Xuân	0,10	183
59	Trường THCS Trường Chinh (mở rộng)	DGD	Tân Phú	Thanh Sơn	0,29	38
60	Trụ sở trạm bảo vệ thực vật	DTS	Tân Phú	Thị trấn Tân Phú	0,02	144
61	Trường TH Phan Bội Châu (mở rộng)	DGD	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	1,00	183
62	Trụ sở công an xã Bàu Hàm 2	TSC	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,30	183
63	Trường TH - THCS - THPT Á Châu	DGD	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	2,10	166
64	Trường THCS tại Gia Kiệm (mở rộng)	DGD	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,50	183
65	Trường MN Gia Kiệm	DGD	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,60	183
66	Trụ sở công an xã Gia Kiệm	TSC	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,20	183
67	Trung tâm văn hóa - học tập cộng đồng xã Gia Kiệm	DVH	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,95	144
68	Trường Tiểu học (khu đồi đá Soklu)	DGD	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,20	144
69	Trụ sở công an xã Gia Tân 1	TSC	Thống Nhất	Gia Tân 1	0,22	183
70	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn (mở rộng)	DGD	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,30	144
71	Trường THCS Gia Tân 3	DGD	Thống Nhất	Gia Tân 3	1,60	183
72	Trường TH Gia Tân 3	DGD	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,72	183

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
73	Trụ sở công an xã Gia Tân 3	TSC	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,30	183
74	Mở rộng trường Trần Quang Khải	DGD	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,09	144
75	Trường Mầm non Gia Tân 3 (mở rộng)	DGD	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,27	144
76	Trụ sở công an xã Gia Tân 3	TSC	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,30	144
77	Trường Mầm non Hoa Cúc (mở rộng)	DGD	Thống Nhất	Hung Lộc	0,46	144
78	Trụ sở Làm việc Ban chỉ huy Quân sự xã Hưng Lộc	TSC	Thống Nhất	Hung Lộc	0,05	144
79	Trường MN Hòa mi mở rộng	DGD	Thống Nhất	Lộ 25	0,30	183
80	Trụ sở công an xã Lộ 25	TSC	Thống Nhất	Lộ 25	0,23	183
81	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ (mở rộng)	DGD	Thống Nhất	Lộ 25	0,55	144
82	Trường Mầm non Lộ 25	DGD	Thống Nhất	Lộ 25	0,43	144
83	Trường THCS Lý Tự Trọng	DGD	Thống Nhất	Lộ 25	0,83	166
84	Trụ sở công an xã Quang Trung	TSC	Thống Nhất	Quang Trung	0,11	183
85	Mở rộng trường Mầm non Lê Lợi	DGD	Thống Nhất	Quang Trung	0,07	144
86	Trường MN Quang Trung B (mở rộng)	DGD	Thống Nhất	Quang Trung	0,16	166
87	Trường MN Quang Trung A	DGD	Thống Nhất	Quang Trung	0,30	166
88	Trường MN 9/4	DGD	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,50	183
89	Trụ sở công an xã Xuân Thạnh	TSC	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,30	183
90	Trường Mầm non	DGD	Trảng Bom	Bắc Sơn	1,50	144
91	Mở rộng trường Mầm non Giang Điền	DGD	Trảng Bom	Giang Điền	0,07	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
92	Trường Cao đẳng Đinh Tiên Hoàng	DGD	Trảng Bom	Hố Nai 3	0,74	144
93	Trường MN Bình Minh	DGD	Trảng Bom	Hố Nai 3	0,30	166
94	Trường TH Lý Thường Kiệt	DGD	Trảng Bom	Hố Nai 3	0,20	166
95	Mở rộng Trường THCS Nguyễn Thượng Hiền	DGD	Trảng Bom	Hưng Thịnh	0,30	144
96	Mở rộng Trường Tiểu học Nguyễn Trãi	DGD	Trảng Bom	Hưng Thịnh	0,20	144
97	Sân thể thao ấp 2	DTT	Trảng Bom	Sông Trầu	0,20	144
98	Ban Chỉ huy Quân sự xã	TSC	Trảng Bom	Sông Trầu	0,20	144
99	Ban Chỉ huy Quân sự xã	TSC	Trảng Bom	Tây Hòa	0,22	144
100	Trụ sở BQLDA huyện	TSC	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	0,10	166
101	Ban chỉ huy quân sự thị trấn Trảng Bom	TSC	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	0,10	144
102	Trạm vệ thực vật	TSC	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	0,10	144
103	Trạm Khuyến Nông	TSC	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	0,09	144
104	Mở rộng trường TH Bình Hòa	DGD	Vĩnh Cửu	Bình Hòa	0,26	144
105	Sân bóng đá xã	DTT	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	2,00	144
106	Trụ sở Công an xã	TSC	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,20	144
107	Trạm kiểm lâm địa bàn Hiếu Liêm	DTS	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,05	38
108	Trung tâm hành chính xã Mã Đà	TSC	Vĩnh Cửu	Mã Đà	12,65	144
109	Trạm kiểm lâm địa bàn Phú Lý	DTS	Vĩnh Cửu	Phú Lý	0,06	38
110	Trụ sở công an xã	TSC	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,22	183

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
111	Trụ sở làm việc dân quân thường trực khu, cụm công nghiệp	TSC	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	0,97	144
112	Trường Mầm non Thiện Tân	DGD	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,72	38
113	Trường Mầm non Thiện Tân (cơ sở II ấp Ông Hường)	DGD	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,70	38
114	Trường mẫu giáo khu phố 7	DGD	Vĩnh Cửu	Thị trấn Vĩnh An	0,09	144
115	Mở rộng trường MN (cơ sở chính)	DGD	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,70	144
116	Kho tàng trữ tang vật CC Thị hành án huyện	DTS	Xuân Lộc	Thị trấn Gia Ray	0,15	144
117	Trụ sở chi cục thuế Huyện	DTS	Xuân Lộc	Thị trấn Gia Ray	0,32	144
118	Trụ sở Công an xã Xuân Bắc	TSC	Xuân Lộc	Xuân Bắc	0,30	144
119	Trường TH Xuân Định (mở rộng)	DGD	Xuân Lộc	Xuân Định	0,10	21
120	Trường TH Trịnh Hoài Đức (mở rộng)	DGD	Xuân Lộc	Xuân Hiệp	0,30	21
121	Mở rộng trường MN Xuân Hòa	DGD	Xuân Lộc	Xuân Hoà	0,18	144
122	Hội trường làng Dân tộc Stiêng	DSH	Xuân Lộc	Xuân Hòa	0,11	38
123	Trường THCS Xuân Hòa (mở rộng)	DGD	Xuân Lộc	Xuân Hòa	0,40	166
124	Trụ sở Công an xã Xuân Phú	TSC	Xuân Lộc	Xuân Phú	0,80	144
125	Trường MN (phân hiệu Tân Hữu)	DGD	Xuân Lộc	Xuân Thành	0,37	38
126	Trường MN Xuân Thành	DGD	Xuân Lộc	Xuân Thành	0,72	144
127	Trường MN Xuân Trường (PH Trung Sơn)	DGD	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,10	144
128	Mở rộng Trường THCS Lê Lợi	DGD	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,98	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
b) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm: Giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc, chiếu sáng						
129	Cải tạo cảnh quan nút giao thông đường Võ Nguyên Giáp - Bùi Văn Hòa - Quốc Lộ 51	DGT	Biên Hòa	An Hòa	2,30	183
130	Hương Lộ 2 và Cầu An Hòa	DGT	Biên Hòa	An Hòa, Tam Phước	12,06	144
131	Đường nối Phan Đình Phùng và Hồ Văn Đại (QH-D1)	DGT	Biên Hòa	Quang Vinh	1,82	38
132	Đường chất thải rắn	DGT	Biên Hòa	Tam Phước	7,27	183
133	Đường vào Trung tâm hành chính phường Tân Biên	DGT	Biên Hòa	Tân Biên	2,73	21
134	Đường từ Đồng Khởi đến đường Nguyễn Văn Hoài (Chống ùn tắc ngã tư Tân Phong)	DGT	Biên Hòa	Tân Phong	3,50	38
135	Đường liên phường Trảng Dài - Tân Hiệp	DGT	Biên Hòa	Trảng Dài, Tân Hiệp	6,79	38
136	Đường Trảng Bom - Xuân Lộc	DGT	Các huyện	Các xã	28,20	144
137	Xây dựng tuyến đường Hương lộ 2 (đoạn 2)	DGT	Các huyện	Tam Phước, Tam An	40,51	166
138	Đường song hành Quốc lộ 56	DGT	Cẩm Mỹ	Long Giao	14,00	144
139	Đường Hương lộ 10 - QL 1A	DGT	Cẩm Mỹ	Long Giao Nhân Nghĩa Bảo Bình Xuân Tây Xuân Đông	26,86	144
140	Lò đốt rác	DRA	Cẩm Mỹ	Sông Ray	0,20	166
141	Hệ thống cấp nước TT Long Giao (Nhà máy nước + 5 giếng)	DTL	Cẩm Mỹ	Xuân Đường, Long Giao	1,15	144
142	Trạm trung chuyển rác	DRA	Cẩm Mỹ	Xuân Mỹ	0,04	38
143	Trạm trung chuyển rác	DRA	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,02	144
144	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Cường	DTL	Định Quán	Phú Cường	0,23	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
145	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi	DTL	Định Quán	Phú Lợi	0,12	38
146	Mở rộng trạm viễn thông	DBV	Định Quán	Túc Trưng	0,03	144
147	Đập Lác Chiểu	DTL	Long Khánh	Bảo Quang	0,05	144
148	Mương thoát lũ tổ 7 ấp 18 Gia Đình	DTL	Long Khánh	Bảo Quang	0,30	166
149	Hệ thống cấp nước tập trung xã Bàu Sen	DTL	Long Khánh	Bàu Sen	0,41	21
150	Đường số 10 (tổ 14 Bàu Trâm đi tổ 10 Bàu Sầm)	DGT	Long Khánh	Bàu Trâm	1,00	183
151	Đường Cầu Cháy (từ ngã ba Vú Sữa - ngã ba Lộc Na)	DGT	Long Khánh	Bình Lộc	2,00	183
152	Hệ thống cấp nước tập trung ấp 1, xã Bình Lộc	DTL	Long Khánh	Bình Lộc	0,13	144
153	Đường tổ 3 ấp Tân Phong	DGT	Long Khánh	Hàng Gòn	0,30	38
154	Đường tổ 24 ấp Hàng Gòn	DGT	Long Khánh	Hàng Gòn	0,30	38
155	Đường Trảng Bom -Xuân Lộc	DGT	Long Khánh	Suối Tre, Bảo Vinh, Xuân Thanh	10,93	144
156	Đường ranh Xuân Bình-Phú Bình-Bàu Sen	DGT	Long Khánh	Xuân Bình, Bàu Sen	4,40	21
157	Đường Lý Thái Tổ mở rộng	DGT	Long Khánh	Xuân Hòa	1,87	57
158	Hệ thống cấp nước tập trung ấp Trung Tâm	DTL	Long Khánh	Xuân Lập	0,10	38
159	Hệ thống cấp nước tập trung ấp Phú Mỹ	DTL	Long Khánh	Xuân Lập	0,05	38
160	Đường số 4 Xuân Tân	DGT	Long Khánh	Xuân Tân	2,57	38
161	Đường giao thông nông thôn khu 1, ấp Cẩm Tân	DGT	Long Khánh	Xuân Tân	0,46	183
162	Đường số 5 Xuân Tân	DGT	Long Khánh	Xuân Tân	1,72	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
163	Đường nhánh ấp Cẩm Tân	DGT	Long Khánh	Xuân Tân	3,39	144
164	Nâng cấp sửa chữa đập Bàu Tra	DTL	Long Khánh	Xuân Tân	0,05	144
165	Đường Ngô Quyền	DGT	Long Khánh	Xuân Thanh	2,10	57
166	Đường Phạm Lạc	DGT	Long Khánh	Xuân Thanh	0,60	57
167	Nâng cấp mở rộng đường Đào Trí Phú	DGT	Long Khánh	Xuân Trung	0,39	21
168	Nâng cấp đường Nguyễn Trung Trực	DGT	Long Khánh	Xuân Trung	1,25	183
169	Nâng cấp mở rộng đường Đào Trí Phú	DGT	Long Khánh	Xuân Trung	0,15	144
170	Điểm trung chuyển rác	DRA	Long Thành	An Phước	0,03	144
171	Hệ thống cấp nước tập trung xã Bàu Cạn	DTL	Long Thành	Bàu Cạn	0,24	38
172	Điểm trung chuyển rác	DRA	Long Thành	Bình An	0,03	144
173	Điểm trung chuyển rác	DRA	Long Thành	Bình Sơn	0,03	144
174	Điểm trung chuyển rác	DRA	Long Thành	Lộc An	0,03	144
175	Điểm trung chuyển rác khu 14	DRA	Long Thành	Long Đức	0,05	144
176	Điểm trung chuyển rác khu 15	DRA	Long Thành	Long Đức	0,03	144
177	Điểm trung chuyển rác ấp 2	DRA	Long Thành	Phước Bình	0,02	144
178	Cảng Gò Dầu B (mở rộng)	DGT	Long Thành	Phước Thái	0,90	57
179	Điểm trung chuyển rác (ấp 3)	DRA	Long Thành	Phước Thái	0,05	144
180	Trạm bơm tăng áp (Công ty cấp nước Đồng Nai)	DTL	Long Thành	Thị trấn Long Thành	0,28	21
181	Đường Vào khu CN AMATA	DGT	Long Thành	Thị trấn Long Thành	10,00	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
182	Đường vào Khu dân cư Biệt thự vườn Cầu Xéo	DGT	Long Thành	Thị trấn Long Thành	0,85	38
183	Điểm trung chuyển rác	DRA	Long Thành	Thị trấn Long Thành	0,03	144
184	Bãi trung chuyển rác xã Long Tân	DRA	Nhơn Trạch	Long Tân	0,20	144
185	Bãi đậu xe 3 ha trong dự án Trồng cây xanh kết hợp bãi đậu xe 20 ha	DGT	Nhơn Trạch	Phú Hội	3,00	144
186	Đường từ 319 đến Khu dân cư Tài Tiến	DGT	Nhơn Trạch	Phước Thiện	6,30	144
187	Kênh mương nội đồng	DTL	Tân Phú	Phú Bình	5,22	21
188	Công trình Cầu Đạ Hoai	DGT	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,20	144
189	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Điền	DTL	Tân Phú	Phú Điền	0,18	38
190	Đường Phú Lâm - Phú Bình	DGT	Tân Phú	Phú Lâm, Phú Bình	4,00	38
191	Kênh N6-12	DTL	Tân Phú	Phú Thanh	0,15	21
192	Mở rộng bãi rác tại Phú Thanh	DRA	Tân Phú	Phú Thanh	5,00	144
193	Đường kênh N2	DGT	Tân Phú	Thanh Sơn	1,15	38
194	Đường Phú Lâm - Thanh Sơn gđ2 (mở rộng)	DGT	Tân Phú	Thanh Sơn	0,85	38
195	Đường Ngô Quyền - Sông Thao	DGT	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	5,20	21
196	Hệ thống cấp nước tập trung xã Bàu Hàm 2	DTL	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,15	38
197	Đường nối ấp Ngô Quyền đến QL 20	DGT	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,30	144
198	Đường ấp Phan Bội Châu đi đường 769	DGT	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	1,80	144
199	Đường từ ấp Lộ 25 đến đường đi Hưng Lộc	DGT	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,33	144
200	Mở rộng, nâng cấp đường nội đồng 2 ấp Ngô Quyền	DGT	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,26	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
201	Đường ấp Ngô Quyền đi Sông Thao	DGT	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	1,37	144
202	Đường nội đồng 1 ấp Ngô Quyền	DGT	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,38	144
203	Đường tổ 3 ấp Lộ 25	DGT	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,10	144
204	Đường Bàu Ao - Sông Nhạn	DGT	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,59	144
205	Mở rộng, nâng cấp đường Nguyễn Thái Học đi Bàu Hàm	DGT	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,52	144
206	Đường song hành QL20 khu TTHC huyện	DGT	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	1,72	144
207	Đường vào cầu Bến Tẹt	DGT	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	1,50	166
208	Đường tổ 8B đi trường THCS Ngô Quyền	DGT	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,25	166
209	Nạo vét, mở rộng và nâng cấp hệ thống thoát lũ 5 xã Kiệm Tân	DTL	Thống Nhất	các xã	0,80	21
210	Đường đôi trục	DGT	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,30	144
211	Đường ngã ba Hoàng vào vùng KKCN phía Tây	DGT	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,98	144
212	Đường số 1 Tây Nam	DGT	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,28	144
213	Đường Đông Bắc đi Ao Khoai	DGT	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,38	144
214	Đường Gia Tân 1	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,05	144
215	Đường đôi Côtin nối dài	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 1	1,99	144
216	Đường Tây Kim - Thanh Bình	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 1	7,80	166
217	Đường Sào Lâm Bạch Lâm 2	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,08	144
218	Đường vườn Na	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,11	144
219	Đường vào khu chăn nuôi Bạch Lâm	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,14	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
220	Đường Dốc Đất	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,14	144
221	Đường vườn xoài nhánh từ đường vườn xoài đến ranh xã Phú Túc	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,41	144
222	Đường vườn xoài nhánh từ đường vườn xoài đến ranh xã Phú Cường	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,63	144
223	Đường nội đồng 2-3	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,90	144
224	Đường ranh khu chăn nuôi Đức Long 1	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,23	144
225	Đường suối đá Đức Long 2	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,13	144
226	Đường nghĩa địa Đức Huy nhánh 3	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,10	144
227	Đường nghĩa địa Đức Huy nhánh 1	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,29	144
228	Đường nghĩa địa Đức Huy nhánh 2	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,41	144
229	Đường qua nghĩa địa Bạch Lâm	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,18	144
230	Đường liên ấp Long Đức 1-2-3	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,05	144
231	Trạm cấp nước tập trung	DTL	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,08	144
232	Cầu Đức Long 1	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,02	166
233	Đường Chu Văn An - Định Quán	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 3	1,16	144
234	Đường vào Trụ sở UBND xã Gia Tân 3	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,18	144
235	Đường ao Làng để hạ lưu đập Cầu Quay và mương nước	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,28	144
236	Đường Tân Yên đến hạ lưu đập Cầu Quay và mương nước	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,15	144
237	Đường Đài đức mẹ đi Gia Kiệm	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,56	144
238	Đường Gia Tân 1, Gia Kiệm đi Trảng Bom	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 3	1,72	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
239	Đường Chu Văn An - Định Quán (đoạn 2)	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,80	144
240	Đập ông Thọ	DTL	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,73	144
241	Nạo vét mương đập ông Thọ	DTL	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,21	144
242	Mương tiêu úng cánh đồng rau Tân Yên	DTL	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,07	144
243	Nạo vét và kè đá mương suối lầy	DTL	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,12	144
244	Đập cầu quay	DTL	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,30	144
245	Cầu 1 Phúc Nhạc 2	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,07	166
246	Cầu 2 Phúc Nhạc 2	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,22	166
247	Cầu Quay	DGT	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,22	166
248	Đường Hưng Nghĩa - Xã Lộ 25	DGT	Thống Nhất	Hưng Lộc	5,18	144
249	Đường Hưng Lộc- Xã Lộ 25	DGT	Thống Nhất	Hưng Lộc	2,99	144
250	Mở rộng đường trung tâm Hưng Thạnh	DGT	Thống Nhất	Hưng Lộc	0,13	144
251	Đường Trung tâm Hưng Lộc	DGT	Thống Nhất	Hưng Lộc	3,56	144
252	Đường Hưng Nghĩa Chợ ấp 5	DGT	Thống Nhất	Lộ 25	1,71	144
253	Đường Thống Nhất - Cẩm Mỹ	DGT	Thống Nhất	Lộ 25	1,30	144
254	Đường vào cánh đồng Cây khô	DGT	Thống Nhất	Lộ 25	0,14	144
255	Đường vào khu chăn nuôi Tập trung	DGT	Thống Nhất	Lộ 25	0,37	144
256	Đường cầu số 1 ấp 6 nhánh 1	DGT	Thống Nhất	Lộ 25	0,32	144
257	Đường Tránh Lũ	DGT	Thống Nhất	Lộ 25	0,19	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
258	Hệ thống cấp nước tập trung	DTL	Thống Nhất	Lộ 25	0,10	144
259	Mương thoát nước Hưng Long - Lộ 25	DTL	Thống Nhất	Lộ 25	0,14	144
260	Đường Lê Lợi - Bàu Hàm 2	DGT	Thống Nhất	Quang Trung	3,44	21
261	Đường Lạc Sơn-Xuân Thiện (Km0+0-km3+00)	DGT	Thống Nhất	Quang Trung	1,60	144
262	Đường Võ Đồng 3- Soklu	DGT	Thống Nhất	Quang Trung	0,09	144
263	Đường Lê Lợi - Bàu Hàm	DGT	Thống Nhất	Quang Trung	2,09	144
264	Đường Võ Đồng 1- Lạc Sơn	DGT	Thống Nhất	Quang Trung	1,79	144
265	Đường song hành QL1A khu TTHC huyện	DGT	Thống Nhất	Xuân Thạnh	1,05	144
266	Đường vào khu dân tộc đoạn 1	DGT	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,14	144
267	Mở rộng, nâng cấp đường trung tâm ấp 9/4	DGT	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,58	144
268	Mở rộng, nối dài đường cánh đồng 52-54	DGT	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,52	144
269	Nối dài đường khu dân tộc đến tổ 12 ấp 9	DGT	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,56	144
270	Mở rộng, nâng cấp đường tổ 3 đi tổ 10	DGT	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,16	144
271	Mở rộng, nối dài đường thủy lợi	DGT	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,26	144
272	Đường cánh đồng 97	DGT	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,55	144
273	Đường Đồi đá liên ấp 9-4	DGT	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,57	144
274	Mương thoát nước tại khu vực tổ 4-5 ấp 9/4	DTL	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,25	144
275	Ga tráng Bom	DGT	Trảng Bom	Quảng Tiến	0,19	166
276	10 công trình giếng khoan quan trắc động thái nước dưới đất trên địa bàn huyện Trảng Bom, Long Thành	DKH	Trảng Bom	Tây Hòa	0,03	183

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
277	Đường Đinh Quang Ân	DGT	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	0,19	38
278	Đường Nguyễn Trãi (đoạn từ đường Lý Nam Đế đến đường Võ Trường Toản)	DGT	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	0,50	144
279	Đường Lê Lai (đoạn từ đường Lý Nam Đế đến đường Hùng Vương)	DGT	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	0,50	144
280	Nạo vét Rạch Mọi	SON	Vĩnh Cửu	Bình Hòa, Tân Bình	2,84	144
281	Đường Bình Lợi - Thiện Tân đoạn nắn tuyến qua khu vực đất quốc phòng	DGT	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	4,67	144
282	Mương thủy lợi ấp 2	DTL	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,25	144
283	ĐT 768 (Tiểu dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng đường ĐT 768 từ cầu thủ biên đến ĐT 762)	DGT	Vĩnh Cửu	Các xã	37,00	21
284	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn tập trung	DTL	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,21	38
285	Hệ thống thủy lợi	DTL	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,25	38
286	Đường vào khu chăn nuôi Hiếu Liêm	DGT	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	3,75	144
287	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn tập trung	DTL	Vĩnh Cửu	Mã Đà	1,27	38
288	Hệ thống cấp nước sạch nông thôn tập trung	DTL	Vĩnh Cửu	Tân An	1,00	38
289	Đường vào Chùa Tháp (đường liên ấp Bình Phước - Bình Lục)	DGT	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,38	144
290	Đường liên ấp 5 - 7	DGT	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	1,57	183
291	Đường ấp 1 Thanh Phú (đường 16)	DGT	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	3,21	183
292	Đường nhà máy nước Thiện Tân (mở rộng lên 9,5 m)	DGT	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,70	21
293	Đường Bưng mua	DGT	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,29	144
294	Đường gò Miếu nổi dài	DGT	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,48	144
295	Đường nối đường Bùng Bình - đi Trảng Dài TPBH	DGT	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,28	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
296	Khu xử lý rác thải sinh hoạt, công nghiệp (phần diện tích còn lại 18,9 ha)	DRA	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	18,90	144
297	Hương lộ 10	DGT	Xuân Lộc	Các xã	11,00	144
298	Hệ thống kênh mương	DTL	Xuân Lộc	Các xã	13,10	38
299	Đường từ cầu tập đoàn 7 vào cánh đồng lúa	DGT	Xuân Lộc	Các xã	0,08	38
300	Hệ thống cấp nước tập trung TT.Gia Ray (mở rộng) và đầu nối đường ống	DTL	Xuân Lộc	Thị trấn Gia Ray	0,23	38
301	Đường Xuân Bắc - Bảo Quang (mở mới)	DGT	Xuân Lộc	Xuân Bắc	21,12	38
302	Hệ thống cấp nước tập trung	DTL	Xuân Lộc	Xuân Phú	0,20	144
303	Hệ thống mương thoát nước	DTL	Xuân Lộc	Xuân Tâm	1,60	38
c) Dự án xây dựng công trình phục vụ sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư, dự án tái định cư, nhà ở cho sinh viên, nhà ở xã hội, nhà ở công vụ; xây dựng công trình của cơ sở						
304	Dự án xây dựng Khu vui chơi giải trí trung tâm và cụm dịch vụ cao cấp (Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai)	DKV	Biên Hòa	Bửu Long	1,26	144
305	Khu vui chơi giải trí	DKV	Biên Hòa	Bửu Long	1,47	144
306	Nhà tang lễ thành phố	NTD	Biên Hòa	Bửu Long	1,50	144
307	Khu dân cư tái định cư cho dự án Ký túc xá và khu học tập sinh hoạt của sinh viên - Trường đại học Lạc Hồng	ODT	Biên Hòa	Bửu Long	0,19	166
308	Văn hóa khu phố 3, 4	DSH	Biên Hòa	Hòa Bình	0,03	144
309	Khu tái định cư (đất Lũr đoàn tăng thiết giáp 22 thuộc Quân đoàn 4 bàn giao địa phương)	ODT	Biên Hòa	Long Bình	5,00	57
310	Văn phòng KP 1	DSH	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,02	144
311	Văn phòng khu phố 2	DSH	Biên Hòa	Quang Vinh	0,02	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
312	Khu nhà ở xã hội (Công ty Tín Nghĩa)	ODT	Biên Hòa	Tam Phước	2,20	183
313	Văn phòng Khu phố 6	DSH	Biên Hòa	Tân Hòa	0,01	144
314	Nhà ở tái định cư Thống Nhất - Tân Mai (Công ty Thế Giới Nhà)	ODT	Biên Hòa	Thống Nhất, Tân Mai	13,10	183
315	Văn phòng Khu phố 5 (mới)	DSH	Biên Hòa	Trung Dũng	0,02	144
316	Nghĩa địa xã Nhân Nghĩa	NTD	Cẩm Mỹ	Nhân Nghĩa	2,33	183
317	Chùa An Lạc	TON	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,70	144
318	Tịnh thất Liên Hoa	TON	Cẩm Mỹ	Sông Nhạn	0,11	144
319	Nhà văn hoá ấp 4	DSH	Cẩm Mỹ	Thừa Đức	0,13	144
320	Cộng đoàn Tân Việt Nam Hà	TON	Cẩm Mỹ	Xuân Bảo	0,27	144
321	Chùa Bảo Quang	TON	Cẩm Mỹ	Xuân Đường	0,30	144
322	Khu dân cư có bố trí tái định cư và nhà ở xã hội	ONT	Cẩm Mỹ	Xuân Mỹ	5,00	144
323	Tu viện Mến Thánh giá - Xuân Quế	TON	Cẩm Mỹ	Xuân Quế	0,07	144
324	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Quý 2	DSH	Định Quán	La Ngà	0,03	144
325	Sân thể thao ấp 2/97	DTT	Định Quán	La Ngà	0,33	144
326	Sân thể thao ấp Phú Quý 1	DTT	Định Quán	La Ngà	0,10	144
327	Sân thể thao ấp Mít Nài	DTT	Định Quán	La Ngà	0,08	144
328	Sân thể thao ấp 5	DTT	Định Quán	La Ngà	0,30	144
329	Chợ Phú Hòa (mở rộng)	DCH	Định Quán	Phú Hòa	0,20	38
330	Sân thể thao ấp 5	DTT	Định Quán	Phú Lợi	0,17	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
331	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	DSH	Định Quán	Phú Tân	0,18	144
332	Sân thể thao phục vụ Nông thôn mới ở các ấp	DTT	Định Quán	Phú Túc	3,00	144
333	Sân thể thao phục vụ Nông thôn mới ở các ấp	DTT	Định Quán	Phú Vinh	4,00	144
334	Sân thể thao phục vụ Nông thôn mới ở các ấp	DTT	Định Quán	Suối Nho	4,00	144
335	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1	DSH	Định Quán	Suối Nho	0,03	166
336	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Đồn Điền 2	DSH	Định Quán	Túc Trung	0,10	144
337	Nhà văn hóa ấp Ruộng Hời	DSH	Long Khánh	Bảo Vinh	0,05	38
338	Nhà văn hóa ấp Ruộng Lớn	DSH	Long Khánh	Bảo Vinh	0,05	144
339	Nhà Văn hóa và khu thể thao ấp Bảo Vinh A	DSH	Long Khánh	Bảo Vinh	0,05	144
340	Tu đoàn tình thương	TON	Long Khánh	Bàu Trâm	0,27	144
341	Nhà văn hóa ấp 2 Bình Lộc (mở rộng)	DSH	Long Khánh	Bình Lộc	0,01	38
342	Chợ Bình Lộc ấp 1	DCH	Long Khánh	Bình Lộc	0,20	144
343	Nhà văn hóa ấp 2	DSH	Long Khánh	Bình Lộc	0,03	144
344	Trung tâm văn hóa, thể thao và HTCD	DVH	Long Khánh	Hàng Gòn	1,40	183
345	Nhà văn hóa khu phố 1 phường Phú Bình	DSH	Long Khánh	Phú Bình	0,05	144
346	Chợ An Viễn	DCH	Long Thành	Bình An	1,00	183
347	Mở rộng nghĩa trang Liệt sỹ huyện	NTD	Long Thành	Long Phước	2,50	183
348	Khu tái định cư Công ty Nhì Hiệp	ONT	Long Thành	Long Phước	0,30	144
349	Khu nhà ở công nhân và người thu nhập thấp	ONT	Long Thành	Phước Bình	2,00	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
350	Nghĩa địa mở rộng	NTD	Long Thành	Tam An	2,50	144
351	Khu TĐC Trạm khuyến nông	ODT	Long Thành	Thị trấn Long Thành	0,37	144
352	Khu TĐC TTDV và QLĐT	ODT	Long Thành	Thị trấn Long Thành	0,43	144
353	Văn phòng ấp 1	DSH	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,05	144
354	Văn phòng ấp 2	DSH	Nhơn Trạch	Hiệp Phước	0,05	144
355	Chợ xã Long Tân	DCH	Nhơn Trạch	Long Tân	0,70	144
356	Nhà văn hoá kết hợp Văn phòng ấp Phú Tân	DSH	Nhơn Trạch	Phú Đông	0,05	144
357	Nhà văn hóa ấp 2 xã Phú Thạnh	DSH	Nhơn Trạch	Phú Thạnh	0,16	183
358	Sân vận động xã	DTT	Tân Phú	Phú An	0,80	21
359	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2	DSH	Tân Phú	Nam Cát Tiên	0,20	144
360	Nhà lưu niệm Đoàn 600	DVH	Tân Phú	Phú An	0,02	144
361	Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng	DVH	Tân Phú	Phú Bình	0,60	183
362	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3 Phú Điền	DSH	Tân Phú	Phú Điền	0,06	166
363	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Ngọc Lâm 3 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	DSH	Tân Phú	Phú Thanh	0,18	144
364	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thanh Thọ (bao gồm cả sân thể thao ấp)	DSH	Tân Phú	Phú Thanh	0,23	144
365	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 2 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	DSH	Tân Phú	Phú Thanh	0,17	144
366	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm 3 (bao gồm cả sân thể thao ấp)	DSH	Tân Phú	Phú Thanh	0,20	144
367	Sân thể thao ấp Giang Điền	DTT	Tân Phú	Phú Thanh	0,14	144
368	Sân vận động	DTT	Tân Phú	Phú Thanh	1,20	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
369	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 1	DSH	Tân Phú	Trà Cỏ	0,04	38
370	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 3	DSH	Tân Phú	Trà Cỏ	0,05	38
371	Khu tái định cư chợ Trà Cỏ	ODT	Tân Phú	TT.Tân Phú	0,78	144
372	Chợ Ngô Quyền	DCH	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,63	144
373	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Lộ 25	DSH	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	0,05	144
374	Chợ tại Gia Kiệm	DCH	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,20	144
375	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Võ Đông 1	DSH	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,04	166
376	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Võ Đông 3	DSH	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,04	166
377	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Tây Kim	DSH	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,05	166
378	Chợ Bạch Lâm	DCH	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,25	144
379	Khu vui chơi giải trí tại ấp Đức Long 2	DKV	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,58	144
380	Khu vui chơi Thanh thiếu niên	DKV	Thống Nhất	Gia Tân 2	1,00	144
381	Khu thể dục thể thao ấp	DTT	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,10	144
382	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Gia Yên	DSH	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,05	144
383	Sân vận động	DTT	Thống Nhất	Hưng Lộc	1,20	144
384	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	DSH	Thống Nhất	Lộ 25	0,05	144
385	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	DSH	Thống Nhất	Lộ 25	0,05	144
386	Khu vui chơi giải trí thanh thiếu niên ấp Nguyễn Huệ 2	DKV	Thống Nhất	Quang Trung	0,46	57
387	Khu vui chơi giải trí thanh thiếu niên ấp Nguyễn Huệ 2	DKV	Thống Nhất	Quang Trung	0,46	183

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
388	Khu vui chơi giải trí Nguyễn Huệ 1	DKV	Thống Nhất	Quang Trung	0,11	144
389	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Nguyễn Huệ 2	DSH	Thống Nhất	Quang Trung	0,07	144
390	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Nam Sơn	DSH	Thống Nhất	Quang Trung	0,01	144
391	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Lạc Sơn	DSH	Thống Nhất	Quang Trung	0,05	144
392	Khu nhà ở cho công nhân thuê	ONT	Trảng Bom	Bắc Sơn	13,80	144
393	Mở rộng nghĩa địa	NTD	Trảng Bom	Bàu Hàm	2,03	38
394	Khu dân cư theo mật độ thấp 19 ha (Long Điền)	ONT	Trảng Bom	Giang Điền	19,00	144
395	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	DSH	Trảng Bom	Sông Trầu	0,10	144
396	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp ấp 1	DSH	Trảng Bom	Sông Trầu	0,05	166
397	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp Thới Sơn	DSH	Vĩnh Cửu	Bình Hòa	0,15	144
398	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	DSH	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,07	38
399	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	DSH	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,20	38
400	Sân bóng đá xã	DTT	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,60	38
401	Chợ Bình Lợi	DCH	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,30	144
402	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 4	DSH	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,03	144
403	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 5	DSH	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,05	144
404	Sân bóng đá	DTT	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,91	183
405	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 1	DSH	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	0,20	144
406	Sân thể thao (ấp 1)	DTT	Vĩnh Cửu	Hiếu Liêm	1,80	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
407	Nhà văn hóa ấp 1	DSH	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,05	38
408	Nhà văn hóa ấp 2	DSH	Vĩnh Cửu	Mã Đà	0,05	38
409	Chợ Tân An (mở rộng)	DCH	Vĩnh Cửu	Tân An	0,15	144
410	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 1	DSH	Vĩnh Cửu	Tân An	0,03	144
411	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 2	DSH	Vĩnh Cửu	Tân An	0,06	144
412	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 3	DSH	Vĩnh Cửu	Tân An	0,03	144
413	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp Bình Trung (mở rộng)	DSH	Vĩnh Cửu	Tân An	0,03	144
414	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp Bình Chánh	DSH	Vĩnh Cửu	Tân An	0,05	144
415	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp Thái An (mở rộng)	DSH	Vĩnh Cửu	Tân An	0,02	144
416	Nghĩa trang nhân dân	NTD	Vĩnh Cửu	Tân Bình	9,85	183
417	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp Bình Ý	DSH	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,05	144
418	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp Vĩnh Hiệp	DSH	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,05	144
419	Sân thể thao ấp Bình Lục	DTT	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,20	144
420	Sân thể thao ấp Vĩnh Hiệp	DTT	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,20	144
421	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 7	DSH	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,50	38
422	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 7	DSH	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,05	183
423	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 3	DSH	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,05	144
424	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 2	DSH	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,05	166
425	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	DSH	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	0,05	166

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
426	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	DSH	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	0,05	166
427	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 7	DSH	Vĩnh Cửu	Thanh Phú	0,05	166
428	Nhà văn hóa ấp Ông Hường	DSH	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,05	38
429	Chợ Thiện Tân	DCH	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,40	144
430	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp ông Hường	DSH	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,05	144
431	Sân thể thao ấp 6-7	DTT	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,50	144
432	Chợ Trị An	DCH	Vĩnh Cửu	Trị An	1,20	144
433	Sân bóng đá xã Vĩnh Tân	DTT	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	1,00	21
434	Trung tâm văn hóa thể thao xã Vĩnh Tân	DVH	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,60	183
435	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 2	DSH	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,07	144
436	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 3	DSH	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,10	144
437	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp 6	DSH	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,15	144
438	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	DSH	Vĩnh Cửu	Vĩnh Tân	0,03	166
439	Khu tái định cư đường cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết	ODT	Xuân Lộc	Thị trấn Gia Ray	4,00	166
440	Chùa Phước Lộc (mở rộng)	TON	Xuân Lộc	Thị trấn Gia Ray	0,01	38
441	Đài tưởng niệm Suối Cao	DVH	Xuân Lộc	Xã Suối Cao	0,05	183
442	Chùa Cao Tuyền	TON	Xuân Lộc	Xã Suối Cao	4,00	183
443	Tịnh thất Linh Quang	TON	Xuân Lộc	Xã Suối Cát	0,23	183
444	Niệm Phật đường Giác Huệ	TON	Xuân Lộc	Xuân Bắc	0,51	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
445	Chùa Quan Âm	TON	Xuân Lộc	Xuân Định	0,04	38
446	Giáo xứ Đồng Tâm	TON	Xuân Lộc	Xuân Tâm	0,43	144
447	Nghĩa trang Trảng Táo	NTD	Xuân Lộc	Xuân Thành	3,00	38
448	Mở rộng nghĩa trang ấp Thọ Bình	NTD	Xuân Lộc	Xuân Thọ	0,21	21
449	Chợ Thọ Lộc	DCH	Xuân Lộc	Xuân Thọ	0,08	38
450	Nhà công vụ giáo viên	DGD	Xuân Lộc	Xuân Thọ	0,10	144
d) Dự án xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư nông thôn mới; chỉnh trang đô thị, khu dân cư nông thôn; cụm công nghiệp; khu sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản,						
451	Khu dân cư theo quy hoạch (công ty cổ phần Bất Động Sản Phố Bình Minh)	ODT	Biên Hòa	An Hòa	7,89	183
452	Khu dân cư tạo vốn (phục vụ đường ven sông Đồng Nai từ cầu Mới đến bến đò Trạm theo hình thức BT)	ODT	Biên Hòa	Bửu Long	12,00	38
453	Điểm du lịch và nhà ở tại xã Hoá An	ODT	Biên Hòa	Hoá An	45,70	183
454	Khu nhà ở và dịch vụ công cộng (Công ty bia Sài Gòn)	ODT	Biên Hòa	Long Bình	2,96	38
455	Khu dân cư theo quy hoạch (cty Sinh Quốc Phát Sinh Lộc)	ODT	Biên Hòa	Long Bình Tân	4,00	144
456	Khu dân cư theo quy hoạch - Cty TNHH Hữu Trọng	ODT	Biên Hòa	Long Bình Tân	6,06	166
457	Khu dân cư theo quy hoạch (Khu 2 - Công ty cổ phần Đình Thuận)	ODT	Biên Hòa	Quang Vinh	1,72	38
458	Khu DC kết hợp TĐC tại phường Quang Vinh (Ban Quản lý Dự án TP)	ODT	Biên Hòa	Quang Vinh	4,70	166
459	Khu dân cư suối cầu Vạt (Công ty TNHH Thành Thái Thịnh)	ODT	Biên Hòa	Tân Mai	9,80	38
460	Khu dân cư thương mại dịch vụ quy hoạch (Công ty giấy Tân Mai)	ODT	Biên Hòa	Thống Nhất	28,86	38
461	Khu dân cư	ONT	Long Thành	Bình Sơn	7,14	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
462	Khu dân cư An Thuận (giai đoạn 3)	ONT	Long Thành	Long An	47,60	38
463	Khu dân cư theo Quy hoạch công ty Phú Sơn	ONT	Long Thành	Long An	8,20	144
464	Khu dân cư Cty Thái Việt	ONT	Long Thành	Long Phước	5,00	144
465	Khu biệt thự vườn	ONT	Long Thành	Long Phước	8,90	144
466	Khu dân cư theo Quy hoạch công ty FA	ONT	Long Thành	Phước Bình	0,50	144
467	Khu đô thị dịch vụ cao cấp	ONT	Long Thành	Tam An	50,78	144
468	Khu dân cư thị trấn Long Thành (Công ty Hải An, phần mới bổ sung thêm)	ODT	Long Thành	Thị trấn Long Thành	9,76	57
469	Khu dân cư (Khu Cầu Xéo)	ODT	Long Thành	Thị trấn Long Thành	28,00	144
470	Khu dân cư Long Tân (7)	ONT	Nhơn Trạch	Long Tân	62,36	144
471	Khu dân cư Cty Vạn Phúc (mở rộng)	ONT	Nhơn Trạch	Phú Hội	0,14	144
472	Khu dân cư theo quy hoạch	ONT	Nhơn Trạch	Phú Hữu	199,00	144
473	Khu dân cư Phước Thiện (2)	ONT	Nhơn Trạch	Phước Thiện	40,27	144
474	Khu dân cư Phước Thiện (4)	ONT	Nhơn Trạch	Phước Thiện	39,81	144
475	Khu dân cư theo quy hoạch	ONT	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh	90,00	144
476	Khu dân cư theo quy hoạch	ONT	Nhơn Trạch	Vĩnh Thanh, Phú Thạnh	103,00	144
477	Cụm CN An Viễn	SKN	Trảng Bom	An Viễn	50,00	21
478	Cụm công nghiệp Hưng Thịnh	SKN	Trảng Bom	Hưng Thịnh	35,00	38
479	Khu dân cư Đình Thuận mở rộng	ODT	Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom	9,68	144
480	Khu dân cư theo QH 23,5 ha (Long Điền)	ONT	Trảng Bom	Xã Đồi 61	23,50	144

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
481	XD điểm dân cư nông thôn số 3 & số 4, xã Mã Đà	ONT	Vĩnh Cửu	Mã Đà	45,00	183
482	Khu dân cư tập trung Thạnh Phú (Công ty CP Miền Đông đầu tư hạ tầng). Trong đó: Trường tiểu học Miền Đông (XD trong Khu dân cư Miền Đông 0,2 ha)	ONT	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	17,00	21
483	Khu dân cư (Cty CP nông súc sản Đồng Nai)	ONT	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	3,26	144
đ) Dự án khai thác khoáng sản						
484	Mỏ đá xây dựng Gia Canh	SKX	Định Quán	Gia Canh	46,00	38
485	Mỏ cát xây dựng Long An	SKX	Long Thành	Long An	30,00	38
486	Mỏ Bình Lợi (75K-2b)	SKX	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	40,00	144
487	Đá xây dựng tại Thiện Tân	SKX	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	13,40	144
TỔNG					1.769,88	



PHỤ LỤC VII

Danh mục hủy các dự án chuyên mục đích sử dụng đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

(Kèm theo Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó			Số Nghị quyết
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	
1	Thao trường huấn luyện, trường bắn của LLVT	Tân Phú	Phú Xuân	15,00	1,17			144
2	Trung tâm GDQP - AN - trường bắn BB	Vĩnh Cửu	Tân An	78,00	5,19			144
3	Trạm xăng dầu trên đường Đặng Văn Tron	Biên Hòa	Hiệp Hòa	0,30	0,30			144
4	Khu thương mại dịch vụ (Cty Nhơn Long)	Biên Hòa	Long Bình Tân	0,29	0,01			144
5	Khu du lịch sinh thái ấp Láng Me 2	Cẩm Mỹ	Xuân Đông	11,00	3,60			144
6	Đất thương mại dịch vụ	Long Thành	Long Phước	0,30	0,30			144
7	Điểm Du lịch sinh thái tại xã Đại Phước, Phú Hữu	Nhơn Trạch	Đại Phước, Phú Hữu	45,00	6,05			144
8	Điểm du lịch sinh thái dự trữ theo QH duyệt	Nhơn Trạch	Phú Đông, Phước Khánh	62,25	6,30			144
9	Trạm xăng dầu	Tân Phú	Thanh Sơn	0,20	0,20			38
10	Cây xăng ấp 1 Đa Lộc	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	0,10	0,10			144
11	Hội mỹ nghệ huyện Xuân Lộc (TT trưng bày và quảng bá sản phẩm hàng TCMN)	Xuân Lộc	Xuân Tâm	0,38	0,38			144
12	Công ty trục vớt Song Thương	Nhơn Trạch	Phú Hữu	3,32	2,31			144
13	Công ty Phúc Hiếu	Vĩnh Cửu	Bình Lợi	8,24	2,19			144
14	Nhà máy xay đá, trạm cân đá thành phẩm và bãi chứa đất đá thải	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	3,50	0,28			144

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghi quyết	Trong đó			Số Nghi quyết
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	
15	Công ty Hùng Tân	Xuân Lộc	Xuân Phú	0,27	0,27			38
16	Khu lò gạch	Xuân Lộc	Xuân Hòa	5,00	5,00			38
17	Trường Cao đẳng Đinh Tiên Hoàng	Trảng Bom	Hố Nai 3	6,57	0,74			144
18	Trường Trung cấp nghề Giao thông Vận tải Đồng Nai	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	9,54	1,80			144
19	Mở rộng Trường THCS Lê Lợi	Xuân Lộc	Xuân Trường	0,65	0,56			144
20	Sân vận động	Tân Phú	Phú Thanh	1,20	0,77			144
21	Khu thể dục thể thao ấp	Thống Nhất	Gia Tân 2	1,00	0,10			144
22	Sân thể thao ấp 6-7	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,50	0,50			144
23	Sân bóng đá và nhà văn hóa (ấp 4)	Xuân Lộc	Xuân Tâm	0,65	0,29			38
24	Đường Tà Lài, Trà Cỏ (mở rộng)	Định Quán	Các xã	11,44	0,16			38
25	Đường vào Khu dân cư Biệt thự vườn Cầu Xéo	Long Thành	Thị trấn Long Thành	0,85	0,85			38
26	Đường từ 319 đến Khu dân cư Tài Tiến	Nhơn Trạch	Phước Thiện	6,30	3,45			144
27	Đường Phú Lâm - Phú Bình	Tân Phú	Phú Lâm, Phú Bình	5,44	0,15			38
28	Đường kênh N2	Tân Phú	Thanh Sơn	1,15	-			38
29	Đường Phú Lâm - Thanh Sơn gđ2 (mở rộng)	Tân Phú	Thanh Sơn	4,37	0,01			38
30	Đường Bàu Ao - Sông Nhạn	Thống Nhất	Bàu Hàm 2	1,59	0,01			144
31	Đường đôi trục	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,54	0,03			144

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó			Số Nghị quyết
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	
32	Đường số 1 Tây Nam	Thống Nhất	Gia Kiệm	0,88	0,01			144
33	Đường cao tốc Bắc Nam (đoạn Dầu Giây - Phan Thiết)	Thống Nhất	Lộ 25	6,50	0,10			144
34	Đường song hành QL1A khu TTHC huyện	Thống Nhất	Xuân Thạnh	3,11	1,05			144
35	Đường nghĩa địa Đức Huy nhánh 2	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,47	0,04			144
36	Đường qua nghĩa địa Bạch Lâm	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,33	0,02			144
37	Đường ao Làng để hạ lưu đập Cầu Quay và mương mước	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,48	0,24			144
38	Đường Gia Tân 1, Gia Kiệm đi Trảng Bom	Thống Nhất	Gia Tân 3	2,38	0,04			144
39	Đường vào Trụ sở UBND xã Gia Tân 3	Thống Nhất	Gia Tân 3	1,00	0,02			144
40	Đường Thống Nhất - Cẩm Mỹ	Thống Nhất	Lộ 25	2,95	0,21			144
41	Đường vào cánh đồng Cây khô	Thống Nhất	Lộ 25	0,26	0,02			144
42	Đường Hưng Nghĩa Chợ ấp 5	Thống Nhất	Lộ 25	3,30	0,12			144
43	Đường vào khu chăn nuôi Tập trung	Thống Nhất	Lộ 25	0,67	0,24			144
44	Mở rộng, nối dài đường cánh đồng 52-54	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,61	0,40			144
45	Mở rộng, nối dài đường thùy lợi	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,36	0,12			144
46	Đường cánh đồng 97	Thống Nhất	Xuân Thạnh	0,64	0,27			144
47	Đường 768 B	Vĩnh Cửu	Tân Bình, Bình Hòa, Thạnh Phú	3,50	3,50			144
48	Đường Bưng mua	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,50	0,07			144

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó			Số Nghị quyết
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	
49	Đường gò Miếu nổi dài	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,78	0,20			144
50	Đường nối đường Bùng Binh - đi Trảng Dài TPBH	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	0,48	0,04			144
51	Mở rộng đường Nhà máy nước Thiện Tân lên 9,5m	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	1,70	0,50			21
52	Đường Xuân Bắc - Bảo Quang (mở mới)	Xuân Lộc	Xuân Bắc	21,12	0,19			38
53	Đường Trảng Bom - Xuân Lộc (Đường Xuân Trường - Xuân Thọ)	Xuân Lộc	Các xã	17,52	1,31			38
54	Kênh mương nội đồng	Tân Phú	Phú Bình	5,59	-			38
55	Nạo vét mương đập ông Thọ	Thống Nhất	Gia Tân 3	0,70	0,21			144
56	Hệ thống thoát nước Thạnh Phú - Bình Lợi (đoạn qua địa bàn Thạnh Phú)	Vĩnh Cửu	Thạnh Phú	8,77	3,80			144
57	Hệ thống mương thoát nước	Xuân Lộc	Xuân Tâm	1,60	0,68			38
58	Chợ Bạch Lâm	Thống Nhất	Gia Tân 2	0,25	0,25			144
59	Khu dân cư theo mật độ thấp 19 ha (Long Điền)	Trảng Bom	Giang Điền	19,00	1,00			144
60	Khu dân cư theo QH 23,5 ha (Long Điền)	Trảng Bom	Xã Đồi 61	23,50	9,80			144
61	Khu tái định cư Trường bắn	Xuân Lộc	Xuân Tâm	10,00	2,87			38
62	Khu dân cư (công ty Hữu Trọng)	Biên Hòa	Long Bình Tân	5,64	0,96			144
63	Khu dân cư theo quy hoạch (cty Sinh Quốc Phát Sinh Lộc)	Biên Hòa	Long Bình Tân	4,00	1,90			144
64	Khu dân cư theo quy hoạch (công ty cổ phần Bất Động Sản Phố Bình Minh)	Biên Hòa	An Hòa	7,89	1,38			183

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó			Số Nghị quyết
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	
65	Khu dân cư tạo vốn (phục vụ đường ven sông Đồng Nai từ cầu mới đến bến đò Trạm theo hình	Biên Hòa	Bửu Long	12,00	0,41			38
66	Khu dân cư suối cầu Vạt (Công ty TNHH Thành Thái Thịnh)	Biên Hòa	Tân Mai	18,08	0,89			38
67	Khu dân cư theo quy hoạch (Khu 2 - Công ty cổ phần Định Thuận)	Biên Hòa	Quang Vinh	1,72	0,20			38
68	Khu dân cư thương mại dịch vụ quy hoạch (Công ty giấy Tân Mai)	Biên Hòa	Thông Nhất	28,86	0,99			38
69	Khu dân cư thị trấn Long Thành (Công ty Hải An, phần mới bổ sung thêm)	Long Thành	Thị trấn Long Thành	9,76	1,94			57
70	Trụ sở UBND xã Phú Xuân	Tân Phú	Phú Xuân	1,46	0,07			144
71	Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã Phú Lâm	Tân Phú	Phú Lâm	0,20	0,10			183
72	Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự xã Phú Xuân	Tân Phú	Phú Xuân	0,10	0,01			183
73	Trụ sở công an xã	Vĩnh Cửu	Tân Bình	0,22	0,22			183
74	Trung tâm Tin học - Thông tin Khoa học Công nghệ	Biên Hòa	Quang Vinh	0,37	0,17			144
75	Giáo xứ Đồng Tâm	Xuân Lộc	Xuân Tâm	0,43	0,09			144
76	Giáo xứ Tân Ngãi	Xuân Lộc	Xuân Tâm	1,45	1,45			144
77	Nghĩa trang Nhân dân	Vĩnh Cửu	Tân Bình	9,85	0,30			183
78	Nhà tang lễ thành phố	Biên Hòa	Bửu Long	1,50	0,07			144
79	Đá xây dựng tại Thiện Tân	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	13,40	8,70			144

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó			Số Nghị quyết
					Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	
80	Mỏ đá Thiện Tân 2 Trong đó Khu vực khai thác là 29,5 ha Khu công trình phụ trợ là 9,3 ha	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	38,70	6,00			21
81	Mỏ đá Thiện Tân 4 (Khu vực khai thác của Công ty CP khoáng sản 623 Đồng Nai)	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	30,80	5,00			21
82	Mỏ đá Thiện Tân 7	Vĩnh Cửu	Thiện Tân	12,00	9,50			21
83	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Lập	Tân Phú	Phú Bình	0,05	0,05			183
84	Nhà văn hóa kết hợp văn phòng làm việc ấp Thái An (mở rộng)	Vĩnh Cửu	Tân An	0,02	0,02			144
85	Dự án xây dựng Khu vui chơi giải trí trung tâm và cụm dịch vụ cao cấp (Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai)	Biên Hòa	Bửu Long	46,03	0,22			144
86	Căn cứ hậu cần kỹ thuật khu vực phòng thủ tỉnh Đồng Nai	Vĩnh Cửu	Phú Lý	28,00			2,80	144
87	Khu dịch vụ cảng	Nhơn Trạch	Phước An	70,00		0,02		144
88	Cảng Gò Dầu B (mở rộng)	Long Thành	Phước Thái	0,90		0,90		57
TỔNG CỘNG				768,32	111,02	0,92	2,80	



PHỤ LỤC VIII

Danh mục hủy các khu đất tạo vốn

(Kèm theo Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên dự án	Mã loại đất	Tên huyện	Địa điểm	Diện tích thu hồi	Số Nghị quyết
1	Khu đất tạo vốn số 12 (phục vụ dự án xây dựng đường liên phường Trảng Dài - Tân Hiệp)	ODT	Biên Hòa	Tân Phong	26,00	91
2	Khu dân cư tạo vốn số 1 (Hương lộ 2 đoạn 1)	ONT	Biên Hòa	An Hòa Long Bình Tân	64,79	91
3	Khu dân cư tạo vốn số 4 (phục vụ đường ven sông Đồng Nai)	ODT	Biên Hòa	Bừu Long	25,00	91
4	Khu đất tạo vốn số 13 (Đường ven sông Cái)	ODT	Biên Hòa	Các phường	80,00	91
5	Khu đất tạo vốn cho dự án đường Nguyễn Du	ODT	Biên Hòa	Bừu Long	9,53	145
TỔNG					205,32	

PHỤ LỤC IX
Danh mục hủy các dự án chuyển mục đích sử dụng đối với đất trồng lúa
 (Kèm theo Nghị quyết số 196/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên công trình	Huyện	Địa điểm (xã, phường)	Diện tích Nghị quyết	Trong đó	Số Nghị quyết
					Đất trồng lúa (ha)	
1	Khu đất tạo vốn số 13 (Đường ven sông Cái)	Biên Hòa	Các phường	1,85	1,85	91
2	Khu dân cư tạo vốn số 1 (Hương lộ 2 đoạn 1)	Biên Hòa	An Hòa, Long Bình Tân	2,22	2,22	91
3	Khu dân cư tạo vốn số 1 (Hương lộ 2 đoạn 1)	Biên Hòa	An Hòa Hóa An	55,34	3,44	145
4	Khu dân cư tạo vốn số 2 (đường ven sông Đồng Nai)	Biên Hòa	Bửu Long	12,00	3,70	145
5	Khu đất tạo vốn số 13 (Đường ven sông Cái)	Biên Hòa	Các phường	68,10	1,35	145
TỔNG CỘNG				139,51	12,56	